Trường Việt Ngữ Saddleback
24252 El Toro Road, Laguna Woods Ca 92653

❖ *Lời Nguyện Trước Giờ Học*

(Làm dấu thánh giá) Xin Thiên Chúa là Cha nhân từ chúc lành cho buổi học của chúng con hôm nay được kết quả tốt đẹp. Xin giúp chúng con: biết lắng nghe và vâng lời thầy cô giáo. Xin giúp chúng con là những người con ngoan nơi gia đình, là công dân tốt ngoài xã hội. Giúp chúng con trưởng thành trong Đức Tin và Đức Mến; xây dựng một xã hội hòa bình, chân lý và bác ái. Chúng con cầu xin nhân Danh Chúa Giêsu, Chúa chúng con. Amen.(Làm dấu thánh giá)

❖ *Lời Nguyện Sau Giờ Học*

(Làm dấu thánh giá) Lạy Chúa, chúng con cám ơn Chúa đã ban cho giờ học vừa qua được kết thúc tốt đẹp. Xin cho chúng con ra đi trong an bình và vui tươi. Xin cho chúng con sống ngoan ngoãn và hiếu thảo với cha mẹ ; sống yêu thương và chia sẻ với anh chị em; sống chân thật và giúp đỡ bạn bè. Xin giúp chúng con hoàn thành mọi trách nhiệm nơi gia đình và học đường. Amen. (Làm dấu thánh giá)

Lời Ngỏ

Bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa Việt là một trong những ước mơ của phần lớn các gia đình Việt Nam ở hải ngoại.

Việc dạy và học tiếng Việt đã trở thành công việc không thể thiếu trong hầu hết các cộng đồng người Việt. Để đáp ứng nhu cầu đó, các thầy cô trường Thánh Tôma Thiện qua bao năm tháng ấp ủ đã biên soạn một bộ sách giáo khoa ***Tiếng Nước Tôi***.

Các bài học trong tập sách này được các thầy cô góp nhặt từ những sách giáo khoa Việt Văn được xuất bản trước năm 1975 tại miền Nam Việt Nam và tại các trung tâm Việt Ngữ tại hải ngoại.

Một số bài trong bộ sách này được trích từ những tác phẩm của các nhà giáo, nhà văn, nhà thơ, mà vì hoàn cảnh chúng tôi không thể trực tiếp xin phép được. Kính mong quí vị, vì lợi ích của việc bảo tồn tiếng Việt và cũng vì lòng quảng đại xin cho chúng tôi được mạn phép làm công việc này.

Bộ sách này được biên soạn với rất nhiều nỗ lực của các thầy cô, nhưng chắc chắn cũng không tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi mong muốn các nhà trí thức, nhà giáo, hay các bậc cha mẹ vui lòng bỏ qua. Chúng tôi sẵn sàng lắng nghe những phê bình, góp ý của quý vị.

Ban Biên Soạn
Trường Thánh Tôma Thiện

23 Chữ Cái Tiếng Việt

A	B	C	D	Đ	E
(a)	*(bê)*	*(xê)*	*(dê)*	*(đê)*	*(e)*
G	**H**	**I**	**K**	**L**	**M**
(giê)	*(hát)*	*(i)*	*(ca)*	*(e-lờ)*	*(em-mờ)*
N	**O**	**P**	**Q**	**R**	**S**
(en-nờ)	*(o)*	*(pê)*	*(cu)*	*(e-rờ)*	*(ét-sì)*

T	U	V	X	Y
(tê)	*(u)*	*(vê)*	*(ách-xì)*	*(i-gờ-rét)*

12 Nguyên Âm Đơn

A	Ă	Â	E	Ê	I
(a)	*(á)*	*(ớ)*	*(e)*	*(ê)*	*(i)*
O	**Ô**	**Ơ**	**U**	**Ư**	**Y**
(o)	*(ô)*	*(ơ)*	*(u)*	*(ư)*	*(i-gờ-rét)*

Cách Phát Âm Chữ Cái Có Thêm Dấu

A	**Ă**	**Â**	**B**	**C**	**D**
(a)	*(á)*	*(ớ)*	*(bờ)*	*(cờ)*	*(dờ)*
Đ	**E**	**Ê**	**G**	**H**	**I**
(đờ)	*(e)*	*(ê)*	*(gờ)*	*(hờ)*	*(i)*
K	**L**	**M**	**N**	**O**	**Ô**
(ca)	*(lờ)*	*(mờ)*	*(nờ)*	*(o)*	*(ô)*
Ơ	**P**	**Q**	**R**	**S**	**T**
(ơ)	*(pờ)*	*(quờ)*	*(rờ)*	*(sờ)*	*(tờ)*

U	**Ư**	**V**	**X**	**Y**
(u)	*(ư)*	*(vờ)*	*(xờ)*	*(i)*

Cách Phát Âm Phụ Âm Ghép

CH	**GH**	**GI**	**KH**	**NG**	**NGH**
(chờ)	*(gờ)*	*(giờ)*	*(khờ)*	*(ngờ)*	*(ngờ)*

NH	**PH**	**QU**	**TH**	**TR**
(nhờ)	*(phờ)*	*(quờ)*	*(thờ)*	*(trờ)*

Mục Lục

Bài 1: Dấu.....1
Bài 2: I 10
Bài 3: O.....24
Bài 4: Ô.....38
Bài 5: Ơ.....53
Bài 6: E.....68
Bài 7: Ê 81
Bài 8: A.....96
Bài 9: Ă..... 110
Bài 10: Â..... 124
Bài 11: U..... 138
Bài 12: Ư..... 153
Bài 13: Y 168
Bài 14: T..... 182
Bài 15: D, Đ..... 196

Bài 1: Dấu

sắc *huyền* *hỏi*

ngã *nặng*

Dấu Sắc

(Giúp các em đánh vần. Thí dụ: *a-sắc-á, cờ-a-ca-sắc-cá*.)

á	**á**	**á**
cá	**lá**	**đá**

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

ca	**đa**	**la**

Dấu Huyền

(Giúp các em đánh vần. Thí dụ: *o-huyền-ò, bờ-o-bo-huyền-bò.*)

ò	ò	ò
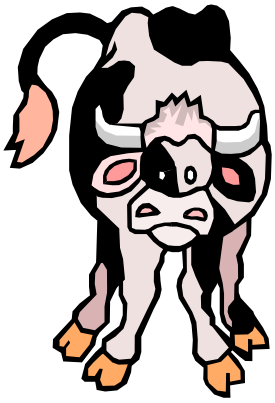	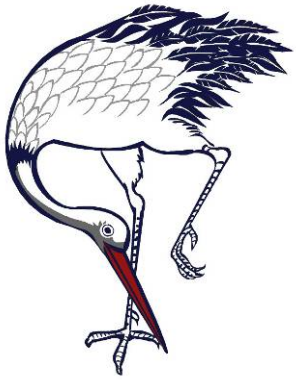	
bò	**cò**	**sò**

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

	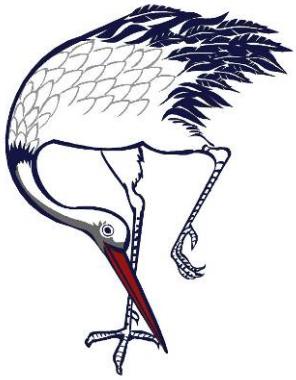	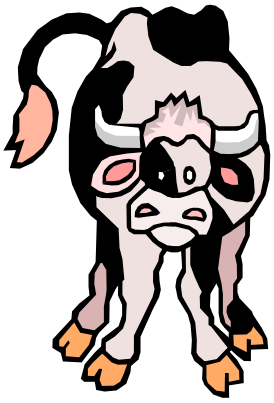
so	**co**	**bo**

Dấu Hỏi

(Giúp các em đánh vần. Thí dụ: *o-hỏi-ỏ, cờ-o-co-hỏi-cỏ*.)

ỏ	ỏ	ỏ
	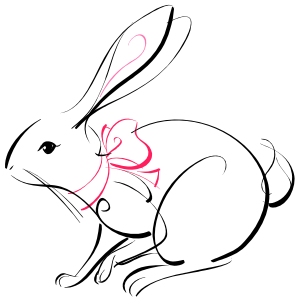	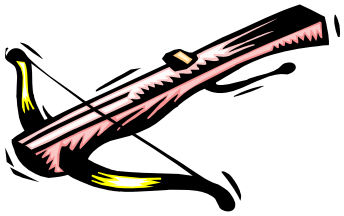
cỏ	**thỏ**	**nỏ**

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

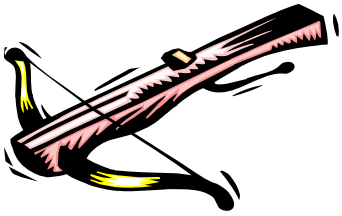		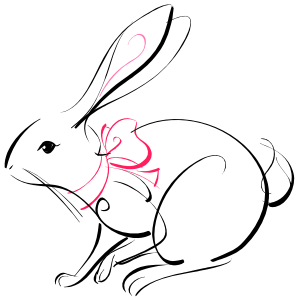
no	**co**	**tho**

Dấu Ngã

(Giúp các em đánh vần. Thí dụ: *o-ngã-õ, gờ-o-go-ngã-gõ.*)

õ	***õ***	***õ***
gõ	***võ***	***mõ***

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

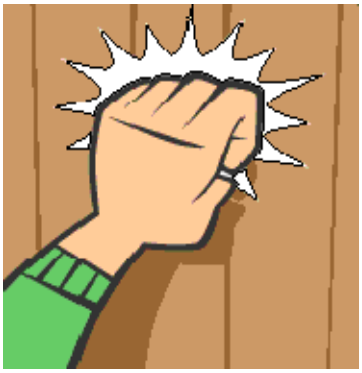

vo *go* *mo*

Dấu Nặng

(Giúp các em đánh vần. Thí dụ: *o-nặng-ọ, bờ-o-bo-nặng-bọ.*)

bọ

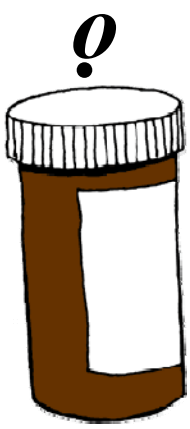

lọ

rọ

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

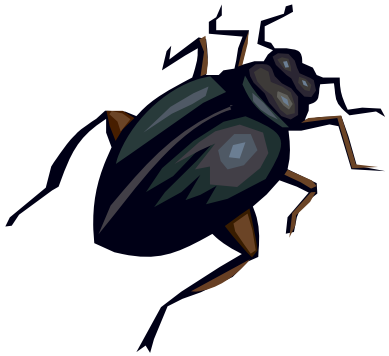

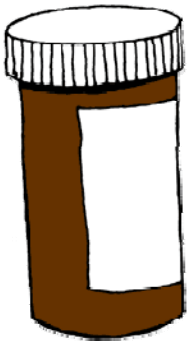

bo **ro** **lo**

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Con chó.

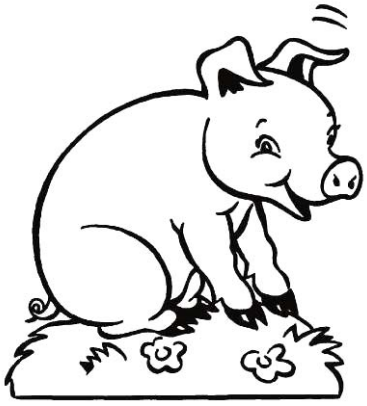

Con heo.

Con gà.

Con dê.

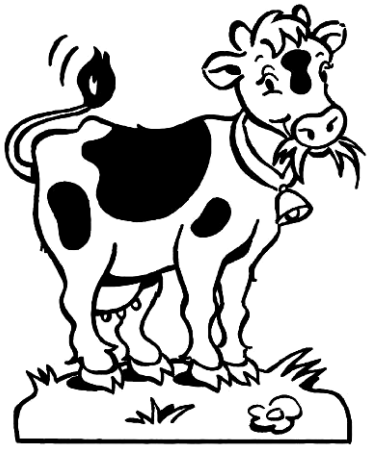

Con bò.

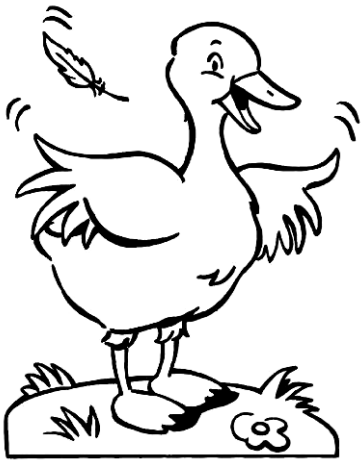

Con vịt.

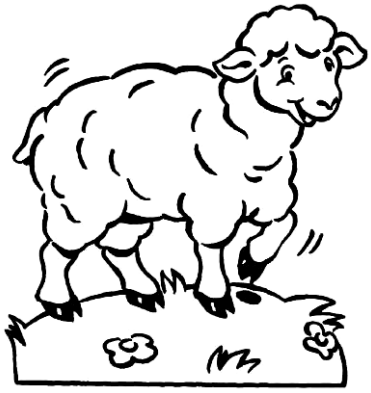

Con cừu.

Những con vật.

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Tiên học lễ, hậu học văn.

Bài 2: I

i ***I***

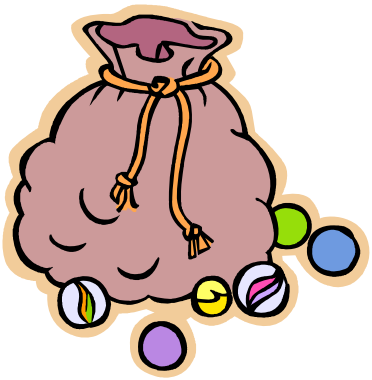

bi ***bí*** ***mì***

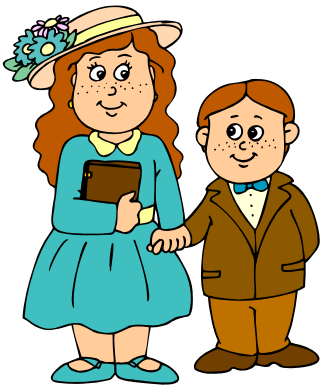

chỉ *nghĩ* *chị*

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *i, bờ-i-bi, bi*.)

i *(i)*	*b-i* *(bờ-i-bi)*	*bi* *(bi)*	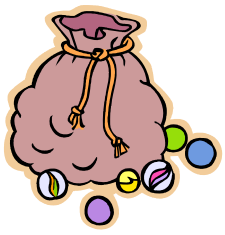
i *(i)*	*b-í* *(bờ-i-bi-sắc-bí)*	*bí* *(bí)*	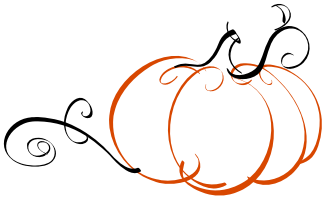
i *(i)*	*m-ì* *(mờ-i-mi-huyền-mì)*	*mì* *(mì)*	
i *(i)*	*ch-ỉ* *(chờ-i-chi-hỏi-chỉ)*	*chỉ* *(chỉ)*	
i *(i)*	*ngh-ĩ* *(ngờ-i-nghi-ngã-nghĩ)*	*nghĩ* *(nghĩ)*	
i *(i)*	*ch-ị* *(chờ-i-chi-nặng-chị)*	*chị* *(chị)*	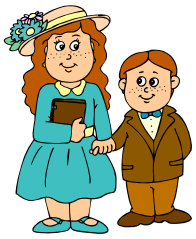

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

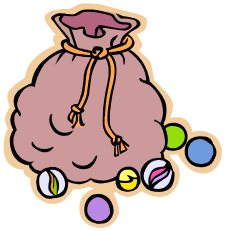

bi

bí

chỉ

chị

mì

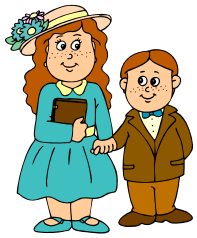

nghĩ

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

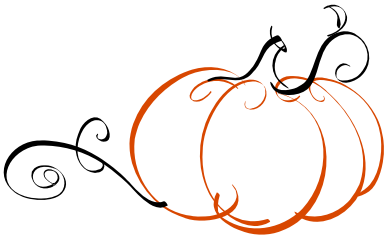

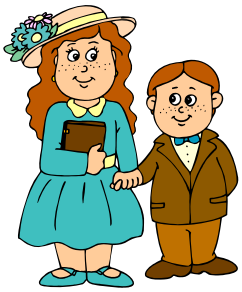

bi **chi** **chi**

Đánh Vần

i	í	ì	ỉ	ĩ	ị
bi	bí	bì	bỉ	bĩ	bị
ti	tí	tì	tỉ	tĩ	tị

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *I*.)

bí

I

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *I*.)

A E I

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có vần *I*.)

Chọn Chữ

(Chọn và khoanh tròn những chữ cho đúng.)

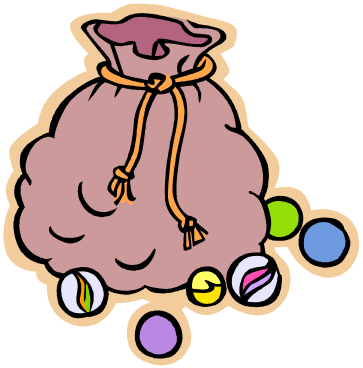

bi
bí
bì

bi
bí
bì

mì
mí
mi

chỉ
chị
chĩ

nghỉ
nghĩ
nghi

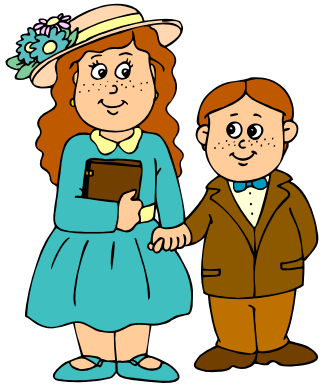

chỉ
chị
chĩ

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chính tả dưới những hình. Giúp các em bỏ dấu cho đúng.)

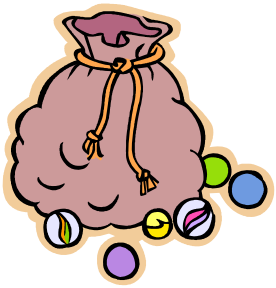

b

ch

m

ngh

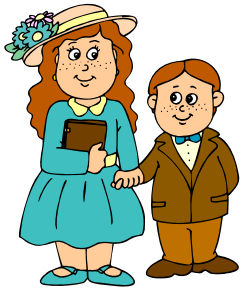

ch *b*

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Đó là .
con chó

Đó là .
con mèo

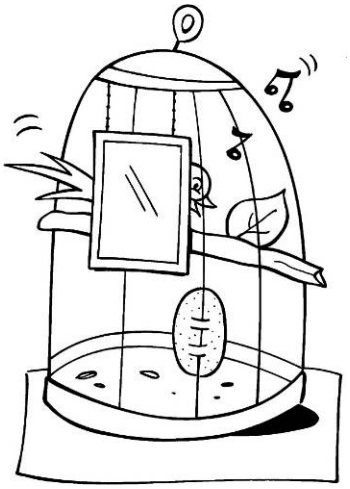

Đó là .
con chim

Đó là .
con cá

Đó là 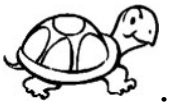 .
con rùa

Đó là .
con ếch

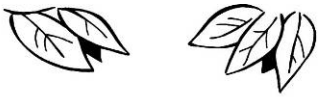

Đó là .
con thỏ

Đó là 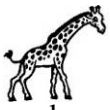 .
con hươu

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Có chí thì nên.

Bài 3: O

o ***O***

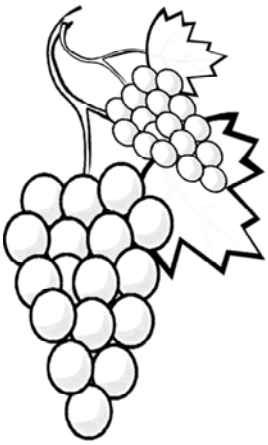

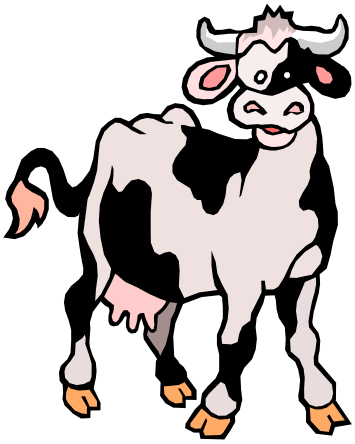

nho ***chó*** ***bò***

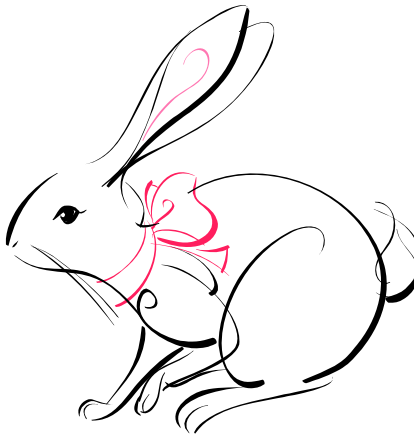

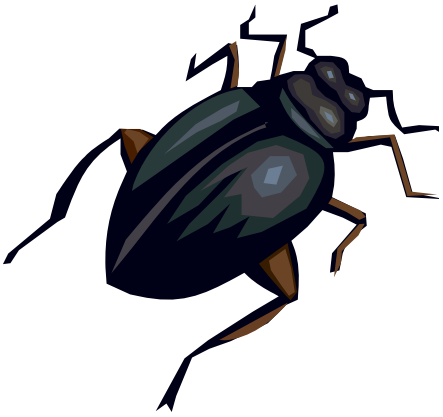

thỏ *mõ* *bọ*

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *o, nhờ-o-nho, nho.*)

o *(o)*	*nh-o* *(nhờ-o-nho)*	*nho* *(nho)*	
o *(o)*	*ch-ó* *(chờ-o-cho-sắc-chó)*	*chó* *(chó)*	
o *(o)*	*b-ò* *(bờ-o-bo-huyền-bò)*	*bò* *(bò)*	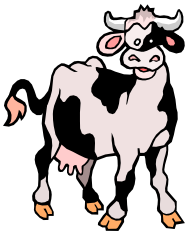
o *(o)*	*th-ỏ* *(thờ-o-tho-hỏi-thỏ)*	*thỏ* *(thỏ)*	
o *(o)*	*m-õ* *(mờ-o-mo-ngã-mõ)*	*mõ* *(mõ)*	
o *(o)*	*b-ọ* *(bờ-o-bo-nặng-bọ)*	*bọ* *(bọ)*	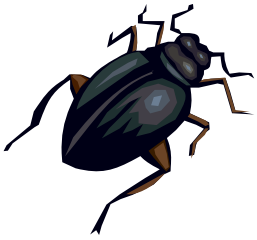

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

bò

bọ

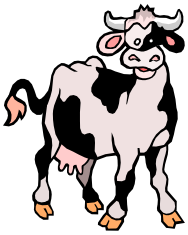

chó

mõ

nho

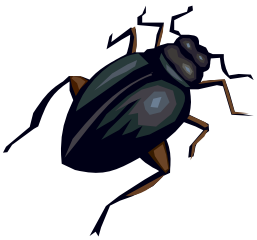

thỏ

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

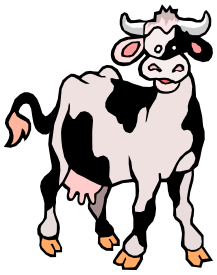

bo **cho** **tho**

Đánh Vần

o	ó	ò	ỏ	õ	ọ
bo	bó	bò	bỏ	bõ	bọ
to	tó	tò	tỏ	tõ	tọ

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *O*.)

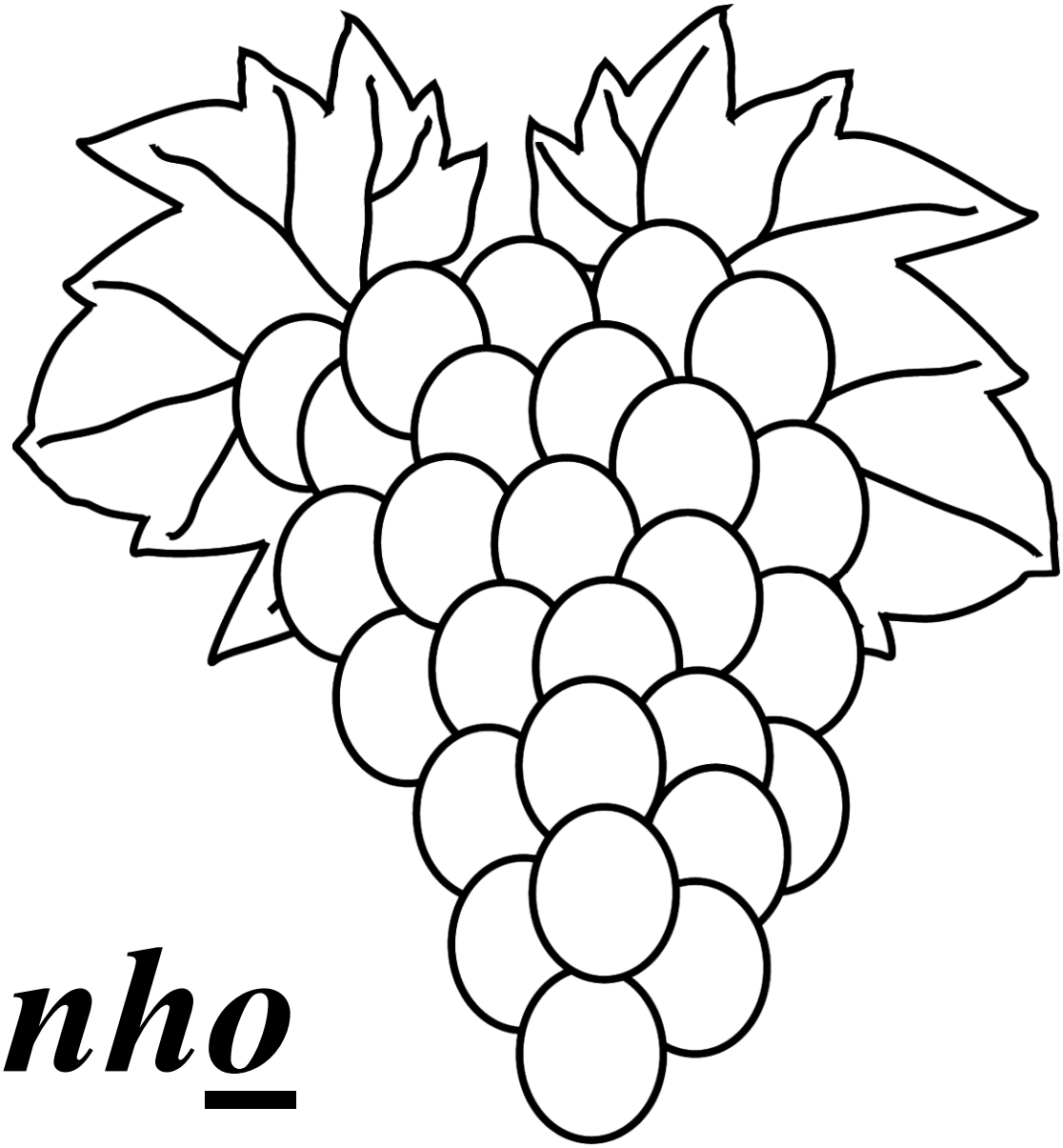

nho

o

o

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *O*.)

A E O

Tô Màu

(Cho các em tô màu nâu những ô có vần *O*. Tô màu vàng những ô khác.)

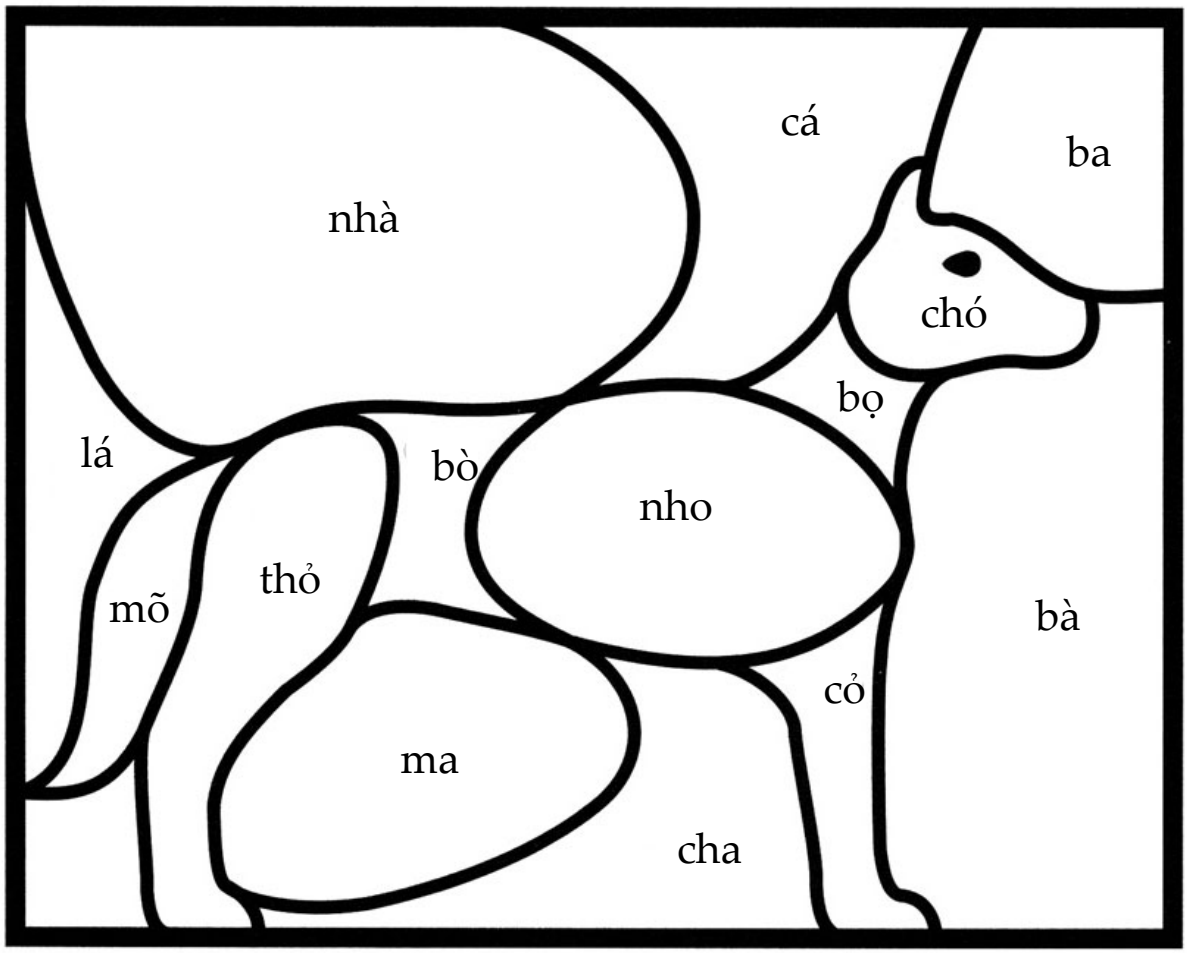

Chọn Chữ

(Chọn và khoanh tròn những chữ cho đúng.)

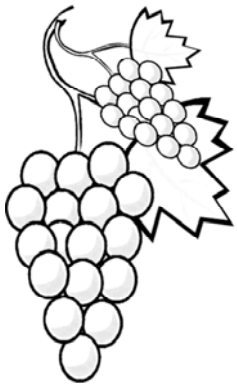

nho
nhỏ
nhọ

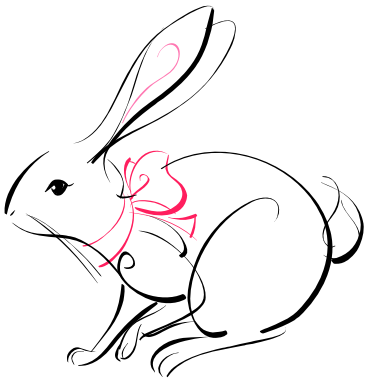

thò
thỏ
thọ

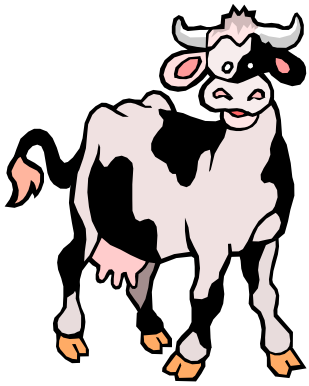

bó
bò
bọ

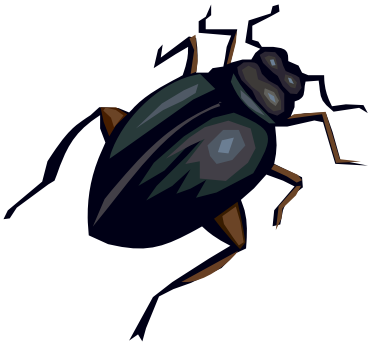

bó
bò
bọ

cho
chó
chỏ

mo
mò
mõ

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chính tả dưới những hình. Giúp các em bỏ dấu cho đúng.)

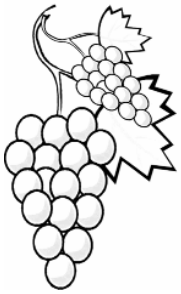

nh

ch

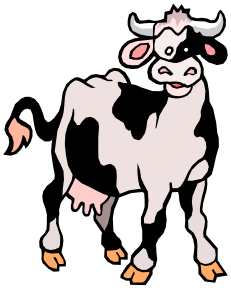

b

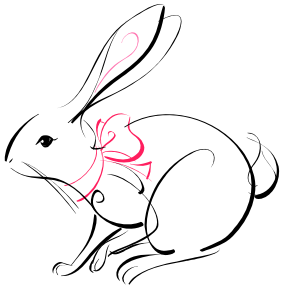

th

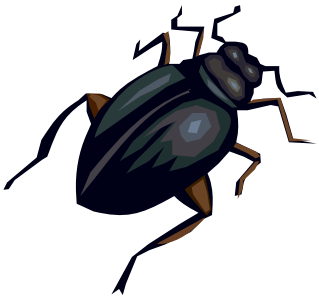

m *b*

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Mẹ em.

Bố em.

Anh em.

Em gái em.

Ông em.

Bà em.

Em.

Gia đình em.

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Bài 4: Ô

ô Ô

tô *bố* *hổ*

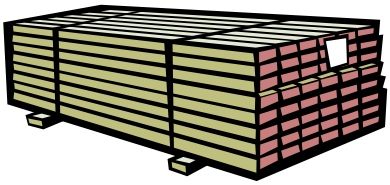

tổ̉ *gỗ̃* *mộ̂*

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *ô, tờ-ô-tô, tô.*)

ô *(ô)*	*t-ô* *(tờ-ô-tô)*	*tô* *(tô)*	
ô *(ô)*	*b-ố* *(bờ-ô-bô-sắc-bố)*	*bố* *(bố)*	
ô *(ô)*	*h-ổ* *(hờ-ô-hô-hỏi-hổ)*	*hổ* *(hổ)*	
ô *(ô)*	*t-ổ* *(tờ-ô-tô-hỏi-tổ)*	*tổ* *(tổ)*	
ô *(ô)*	*g-ỗ* *(gờ-ô-ngã-gỗ)*	*gỗ* *(gỗ)*	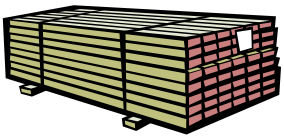
ô *(ô)*	*m-ộ* *(mờ-ô-mô-nặng-mộ)*	*mộ* *(mộ)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

bố

gỗ

hổ

mộ

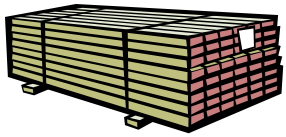

tô

tổ

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

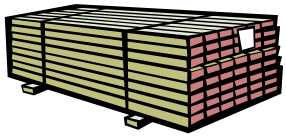

bô **hô** **gô**

Đánh Vần

ô	ố	ồ	ổ	ỗ	ộ
bô	bố	bồ	bổ	bỗ	bộ
tô	tố	tồ	tổ	tỗ	tộ

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ Ô.)

hổ

Ô

ô

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ Ô.)

O Ô Ơ

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có vần Ô.)

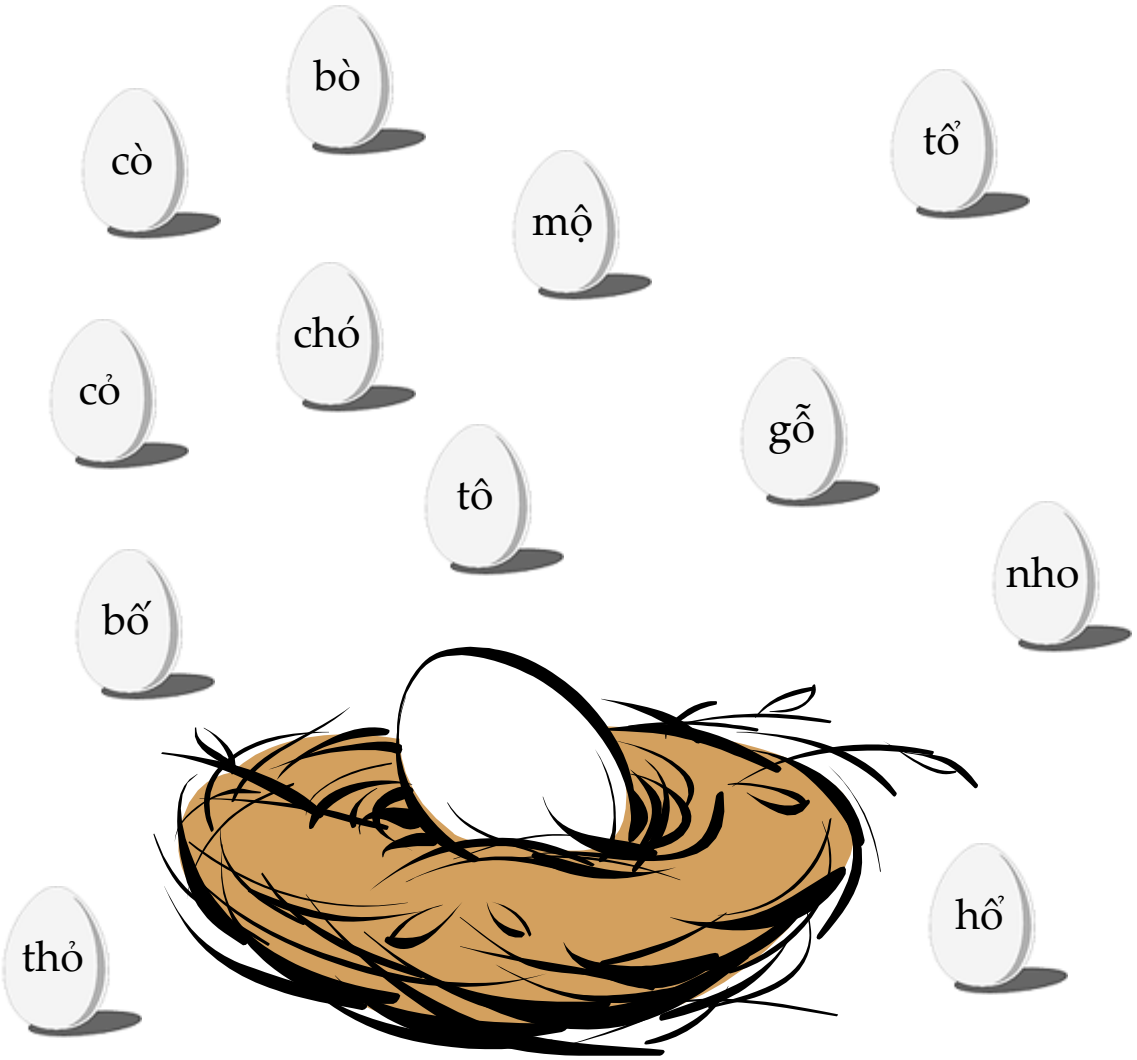

Ôn Vần

(Đọc và cho các em viết chữ *Ô* dưới những hình có vần *Ô*.)

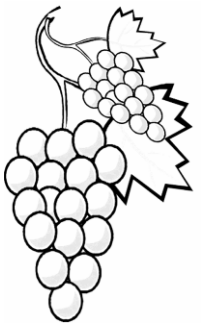

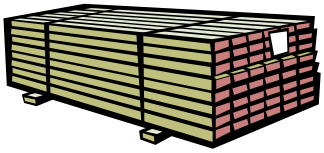

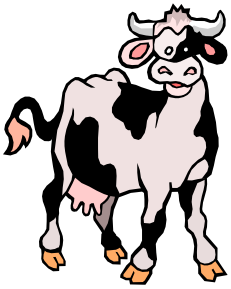

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chính tả dưới những hình. Giúp các em bỏ dấu cho đúng.)

O hay Ô

b

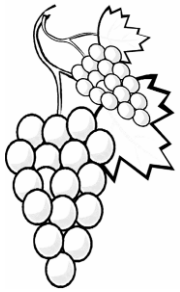

nh

t

th

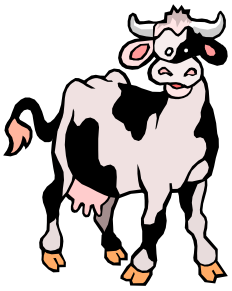

b

h

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Ra khỏi xe.

Ra khỏi xe kéo.

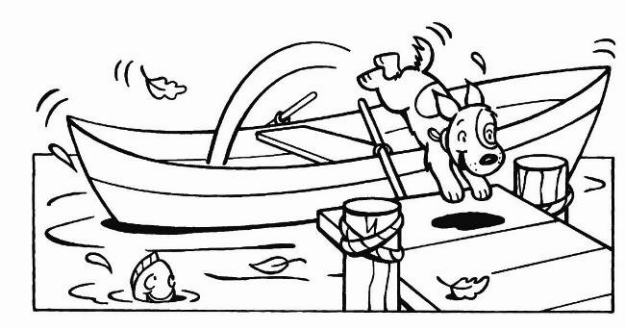

Ra khỏi ghe.

Ra khỏi nhà.

Ra khỏi hồ nước.

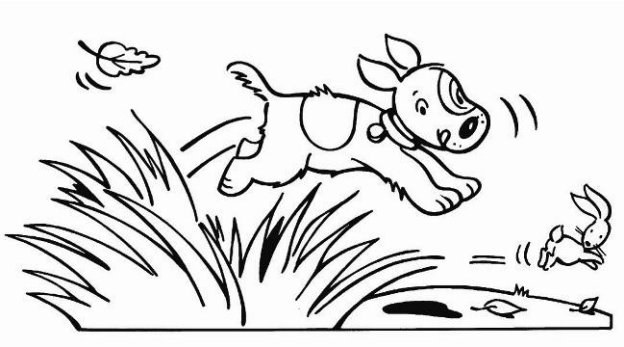

Ra khỏi bụi cỏ.

Ra khỏi vũng bùn.

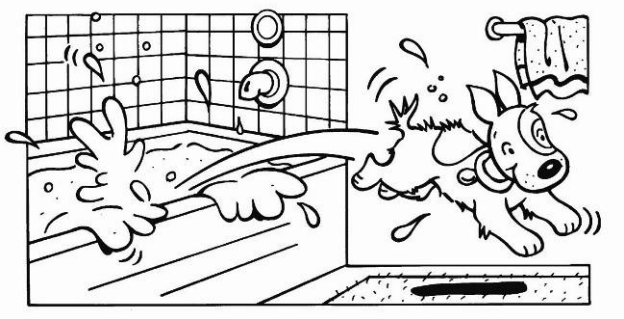

Ra khỏi bồn tắm.

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Văn ôn võ luyện.

Bài 5: Ơ

ơ *Ơ*

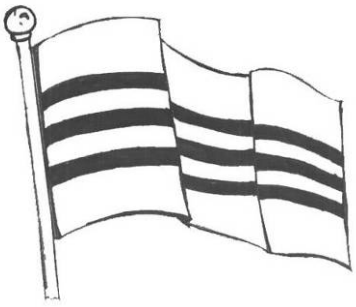

nơ *cờ* *vớ*

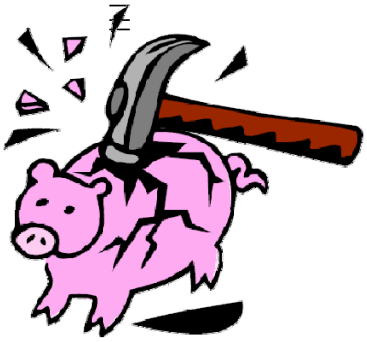

vở ***võ*** ***phở***

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *ơ, nờ-ơ-nơ, nơ*.)

ơ *(ơ)*	*n-ơ* *(nờ-ơ-nơ)*	*nơ* *(nơ)*	
ơ *(ơ)*	*c-ờ* *(cờ-ơ-cơ-huyền-cờ)*	*cờ* *(cờ)*	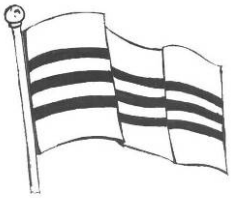
ơ *(ơ)*	*v-ớ* *(vờ-ơ-vơ-sắc-vớ)*	*vớ* *(vớ)*	
ơ *(ơ)*	*v-ở* *(vờ-ơ-vơ-hỏi-vở)*	*vở* *(vở)*	
ơ *(ơ)*	*v-ỡ* *(vờ-ơ-vơ-ngã-vỡ)*	*vỡ* *(vỡ)*	
ơ *(ơ)*	*ph-ở* *(phờ-ơ-pho-hỏi-phở)*	*phở* *(phở)*	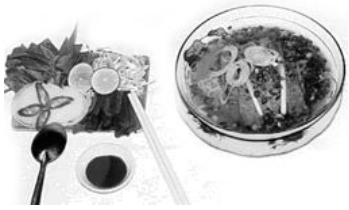

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

cờ

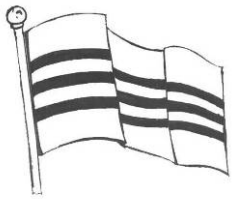

nơ

phở

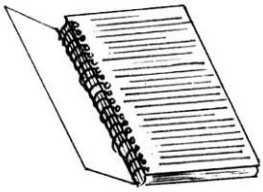

vớ

vở

vỡ

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

vơ vơ vơ

Đánh Vần

ơ	ớ	ờ	ở	ỡ	ợ
bơ	bớ	bờ	bở	bỡ	bợ
vơ	vớ	vờ	vở	vỡ	vợ

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *Ơ*.)

cờ

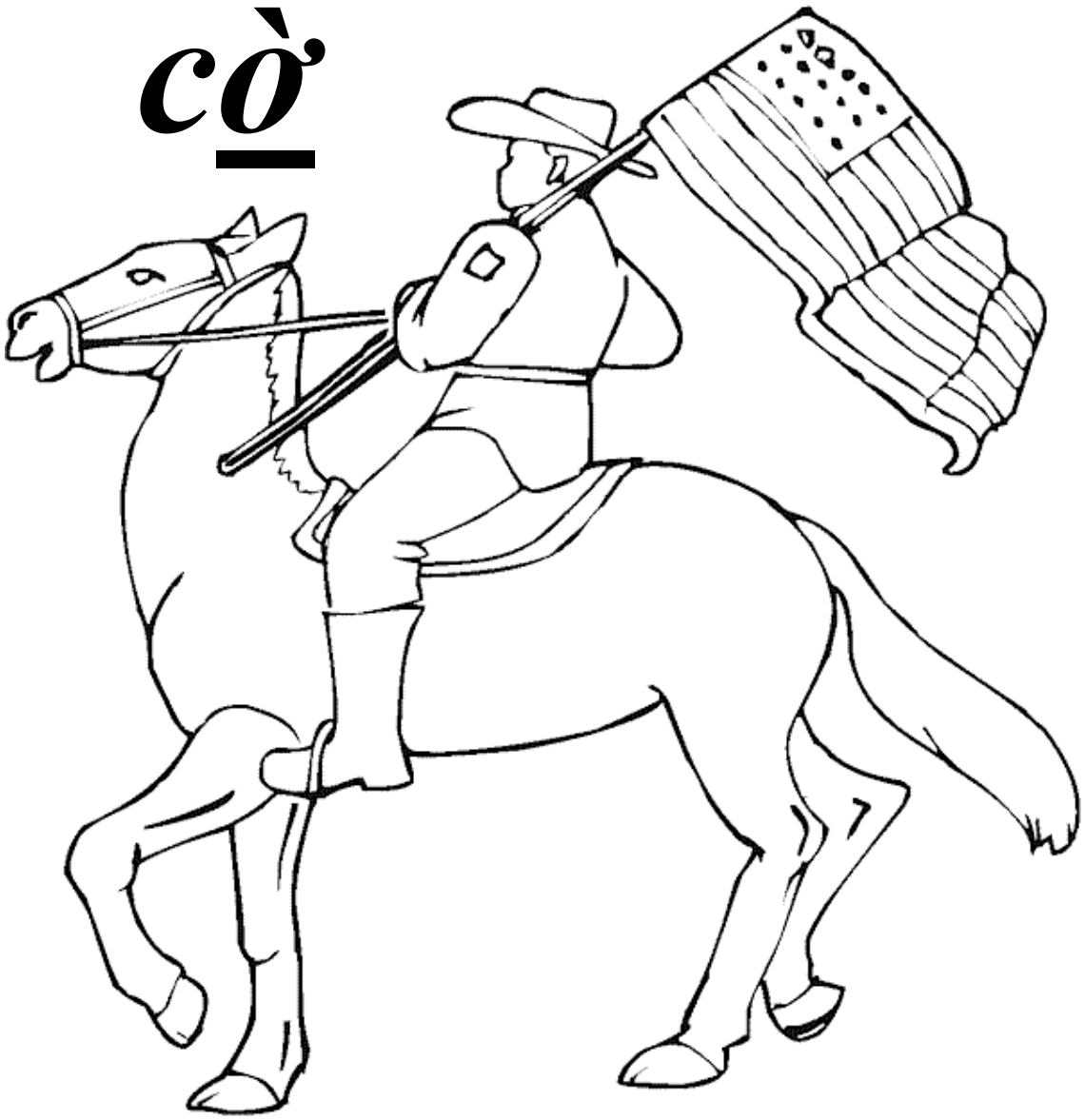

Ơ

ơ

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *Ơ*.)

O Ô Ơ

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có vần *Ơ*.)

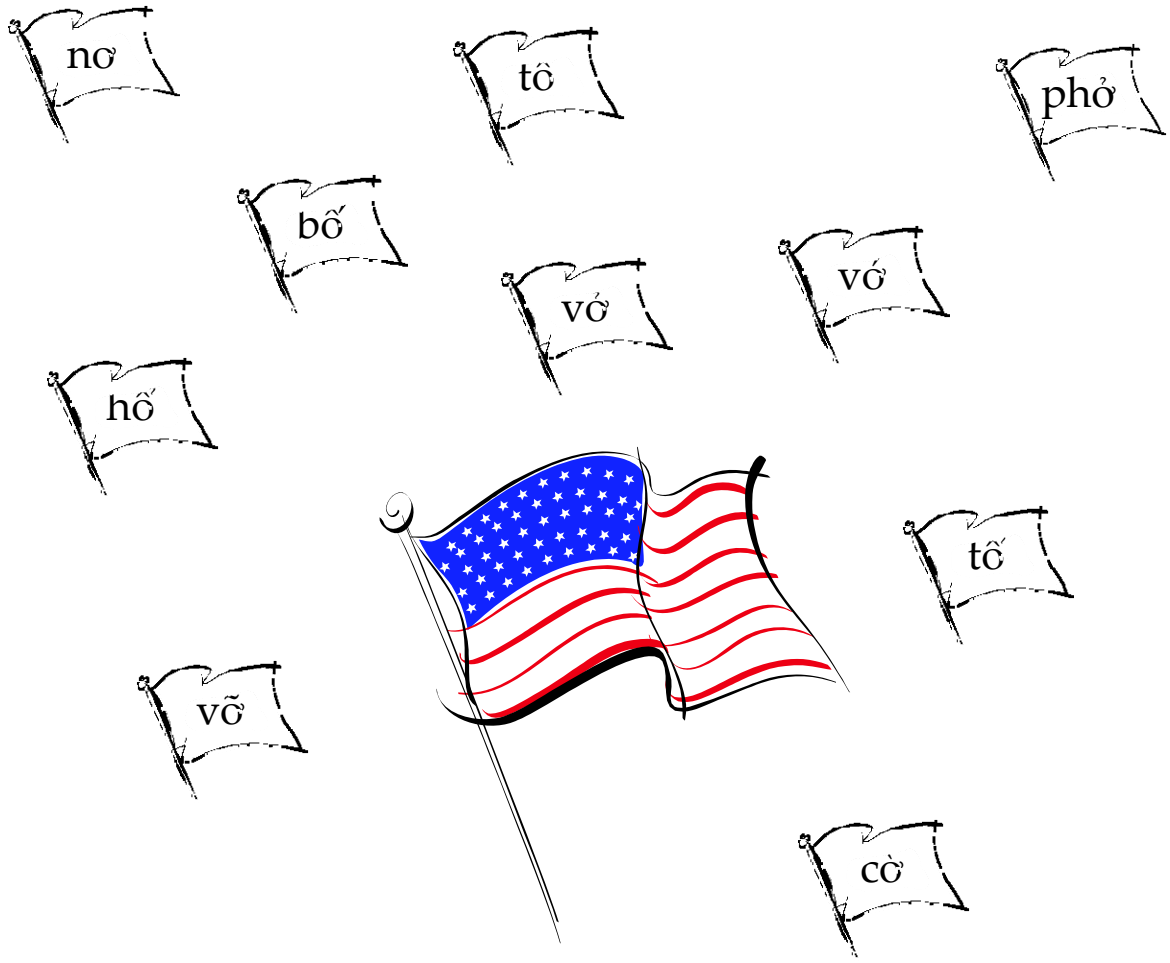

Ôn Vần

(Đọc và cho các em viết chữ *Ơ* dưới những hình có vần *Ơ*.)

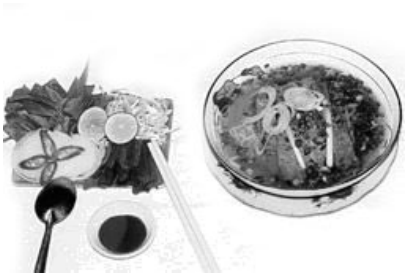

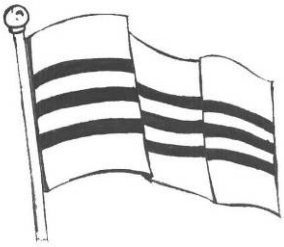

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chính tả dưới những hình. Giúp các em bỏ dấu cho đúng.)

Ô hay Ơ

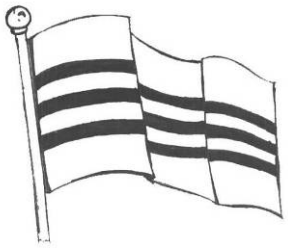

c

b

t

v

v *h*

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Chó nhảy vào.

Chó đi ra.

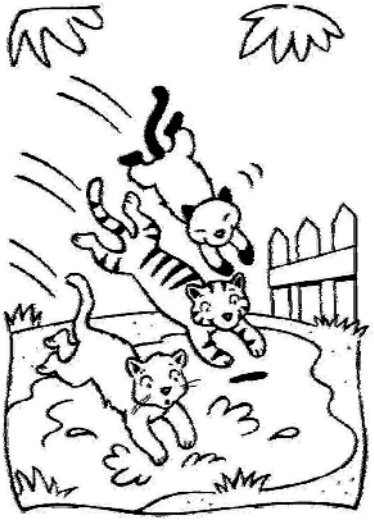

Mèo nhảy vào.

Mèo đi ra.

Bò nhảy vào.

Bò đi ra.

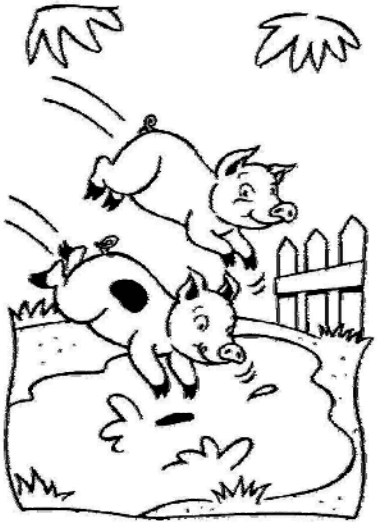

Heo nhảy vào.

Vui quá!

Học Thuộc Lòng

O tròn như quả trứng gà,
Ô thì đội mũ,

Ơ thì thêm râu.

Bài 6: E

e ***E***

xe ***bé*** ***bẻ***

mẹ *vẽ* *chè*

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *e, xờ-e-xe, xe*.)

e *(e)*	*x-e* *(xờ-e-xe)*	*xe* *(xe)*	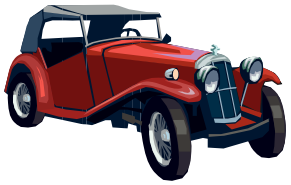
e *(e)*	*b-é* *(bờ-e-be-sắc-bé)*	*bé* *(bé)*	
e *(e)*	*b-ẻ* *(bờ-e-be-hỏi-bẻ)*	*bẻ* *(bẻ)*	
e *(e)*	*m-ẹ* *(mờ-e-me-nặng-mẹ)*	*mẹ* *(mẹ)*	
e *(e)*	*v-ẽ* *(vờ-e-ve-ngã-vẽ)*	*vẽ* *(vẽ)*	
e *(e)*	*ch-è* *(chờ-e-che-huyền-chè)*	*chè* *(chè)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

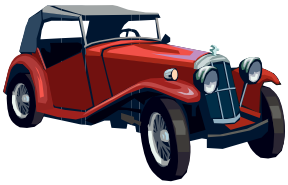

bé

bẻ

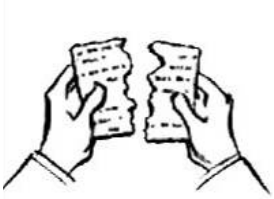

chè

mẹ

vẽ

xe

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

be **be** **me**

Đánh Vần

e	é	è	ẻ	ẽ	ẹ
be	bé	bè	bẻ	bẽ	bẹ
me	mé	mè	mẻ	mẽ	mẹ

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *E*.)

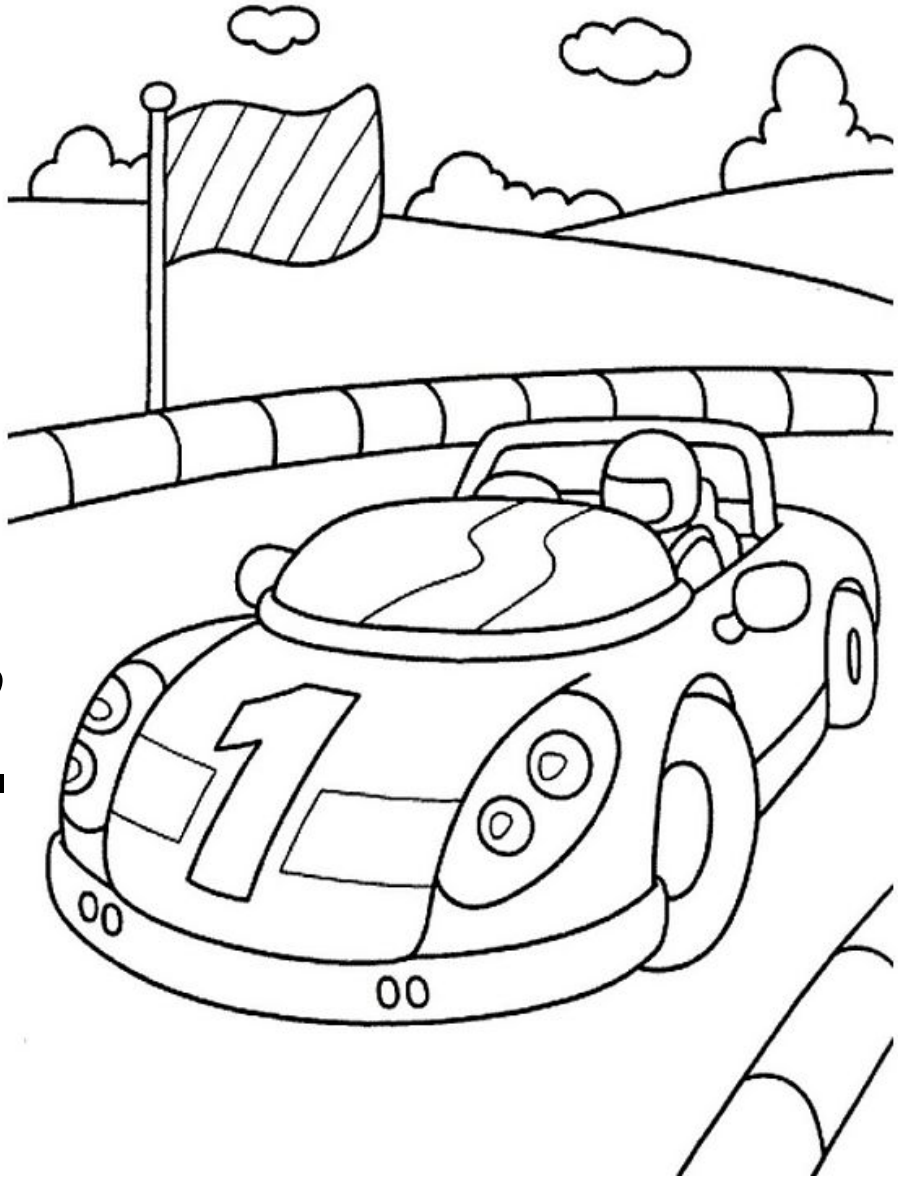

xe

E

e

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *E*.)

A E O

Tô Màu

(Cho các em tô màu những chiếc xe có vần *E*.)

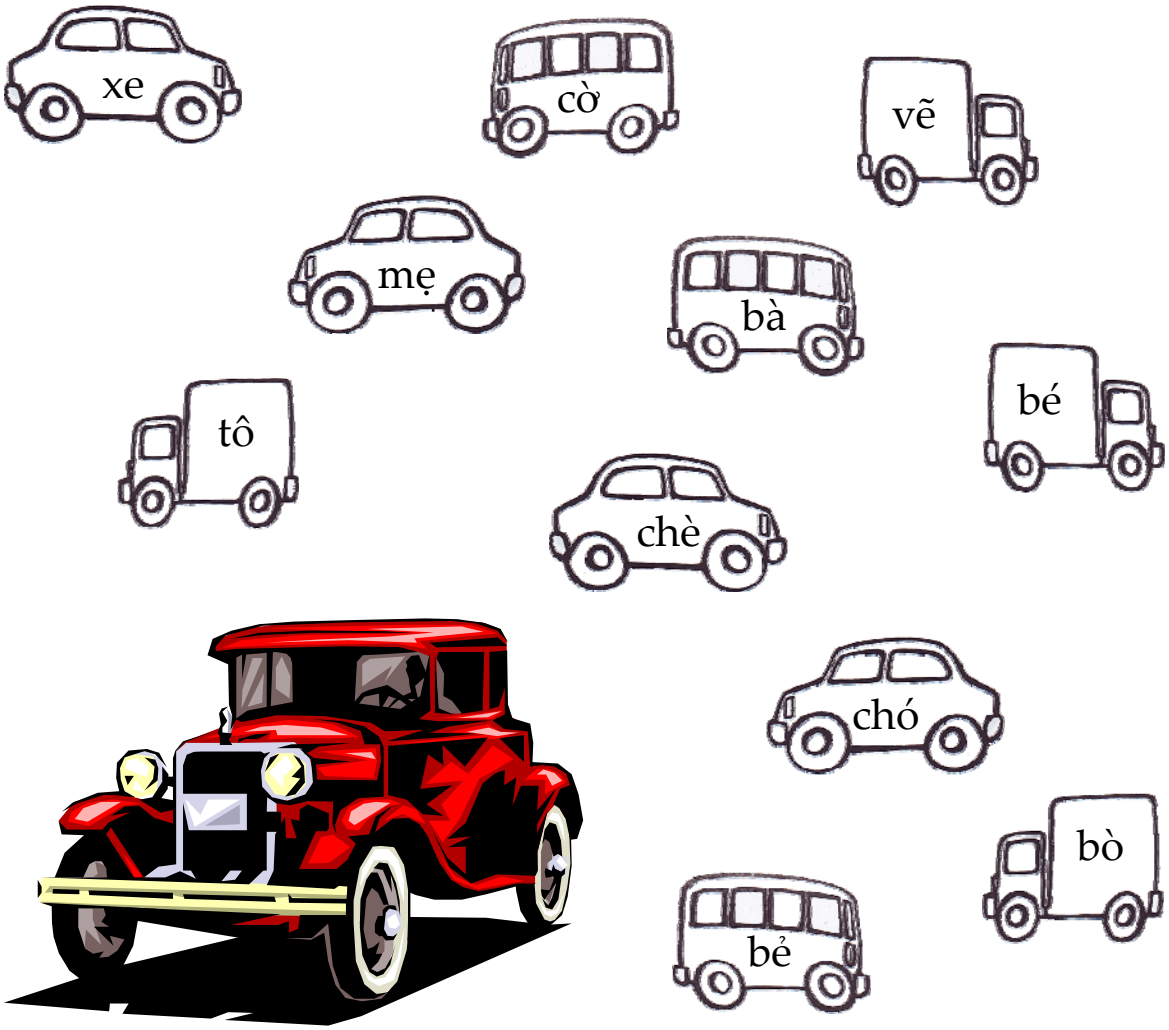

Chọn Chữ

(Chọn và khoanh tròn những chữ cho đúng.)

xe
xé
xẻ

bé
bè
bẻ

bé
bè
bẻ

me
mè
mẹ

ve
vé
vẽ

che
chè
chẻ

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chính tả dưới những hình. Giúp các em bỏ dấu cho đúng.)

x

b

b

m

ch *v*

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

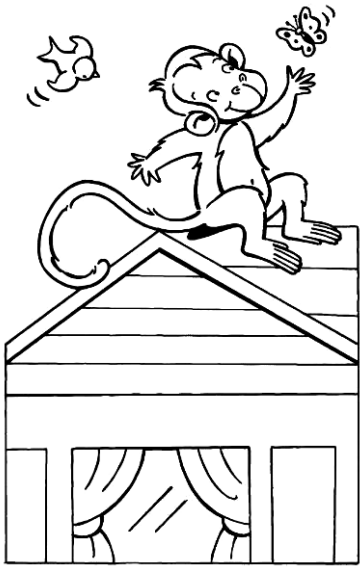

Trên nóc nhà.

Trên xe đạp.

Trên xích đu.

Trên máy bay.

Trên giường.

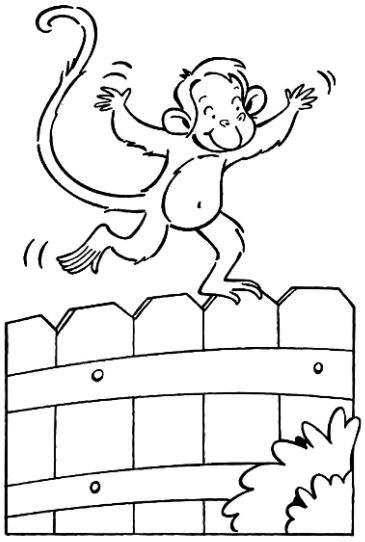

Trên hàng rào.

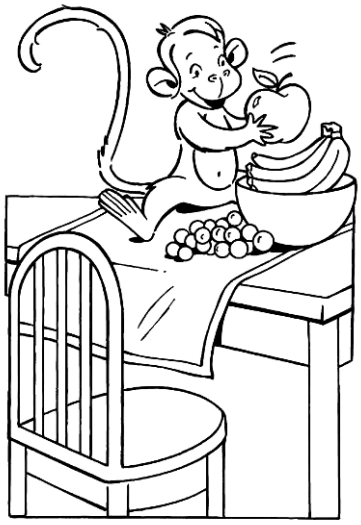

Trên bàn ăn.

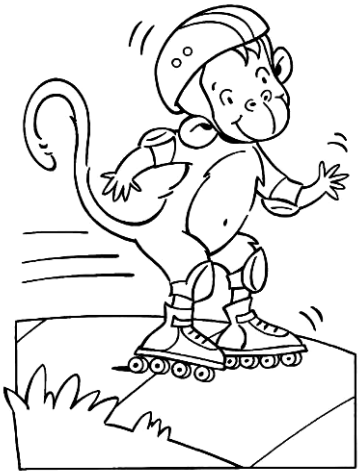

Trên giày trượt.

Ca Dao

(Cho các em học thuộc lòng câu ca dao sau đây.)

Công cha áo mẹ chữ thầy
Gắng công mà học, có ngày thành danh.

Bài 7: Ê

ê ***Ê***

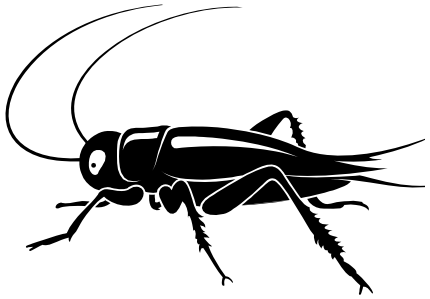

dê ***dế*** ***hề***

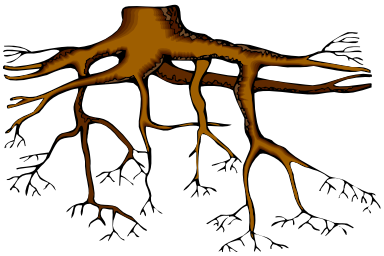

bể ***rễ*** ***kệ***

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *ê, dờ-ê-dê, dê*.)

ê *(ê)*	*d-ê* *(dờ-ê-dê)*	*dê* *(dê)*	
ê *(ê)*	*d-ế* *(dờ-ê-dê-sắc-dế)*	*dế* *(dế)*	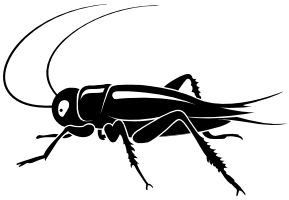
ê *(ê)*	*h-ề* *(hờ-ê-hê-huyền-hề)*	*hề* *(hề)*	
ê *(ê)*	*b-ể* *(bờ-ê-bê-hỏi-bể)*	*bể* *(bể)*	
ê *(ê)*	*r-ễ* *(rờ-ê-rê-ngã-rễ)*	*rễ* *(rễ)*	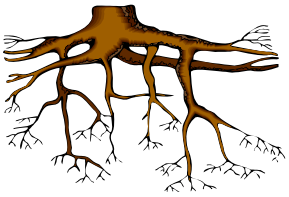
ê *(ê)*	*k-ệ* *(cờ-ê-kê-nặng-kệ)*	*kệ* *(kệ)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

bể

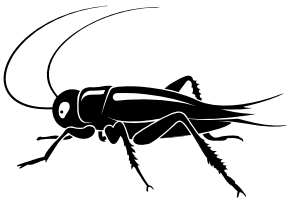

dê

dế

hề

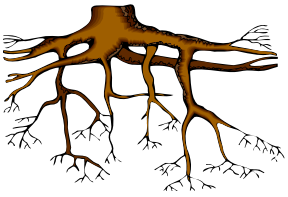

kệ

rễ

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

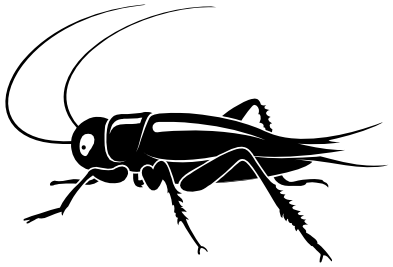

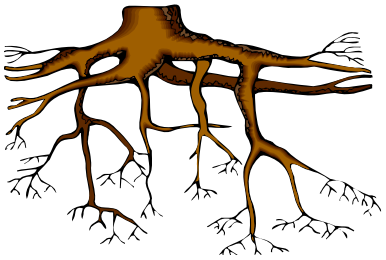

dê ***bê*** ***rê***

Đánh Vần

ê	**ế**	**ề**	**ể**	**ễ**	**ệ**
bê	**bế**	**bề**	**bể**	**bễ**	**bệ**
dê	**dế**	**dề**	**dể**	**dễ**	**dệ**

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *Ê*.)

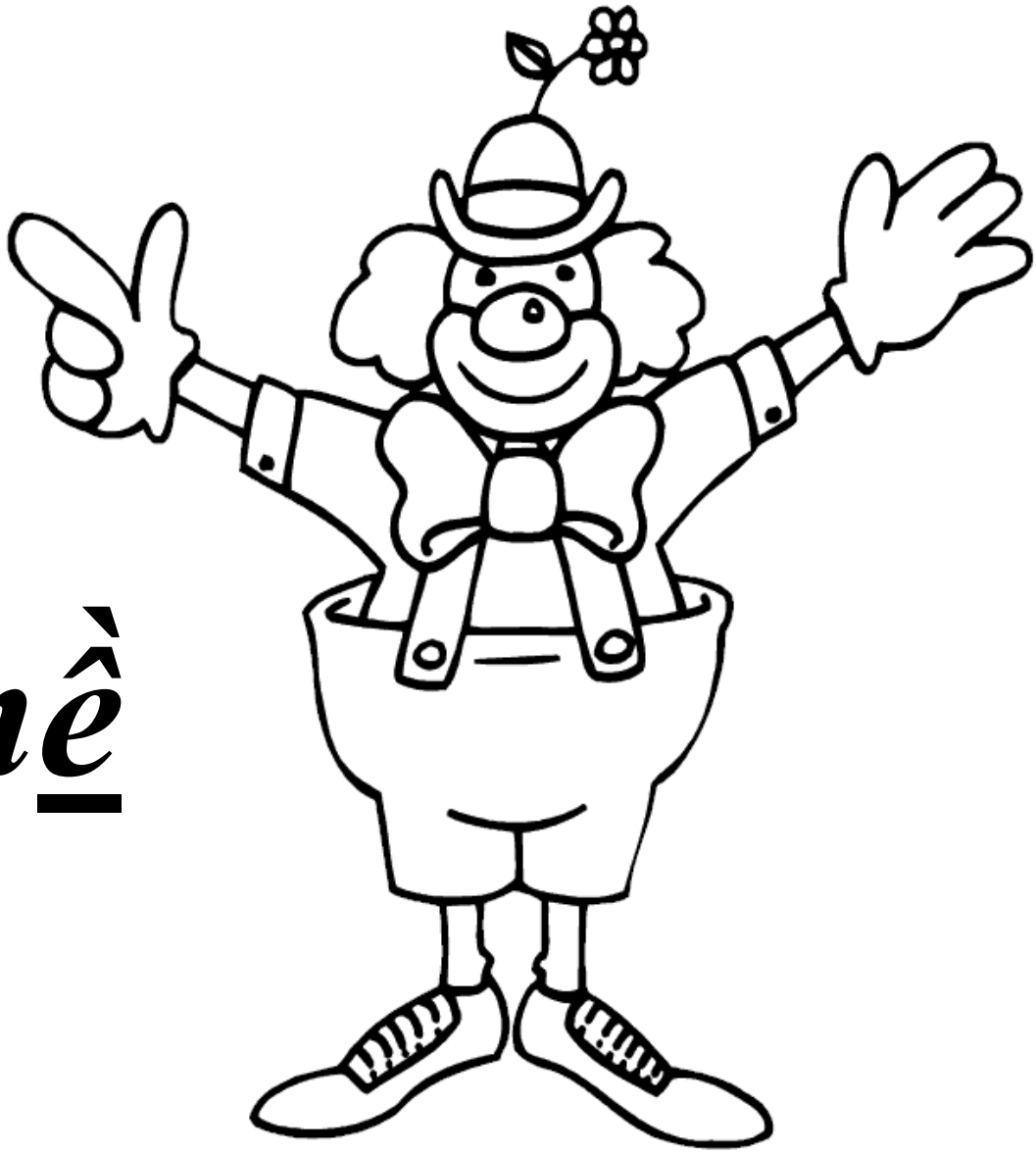

hề

Ê

ê

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *Ê*.)

Ê A E

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có vần *Ê*.)

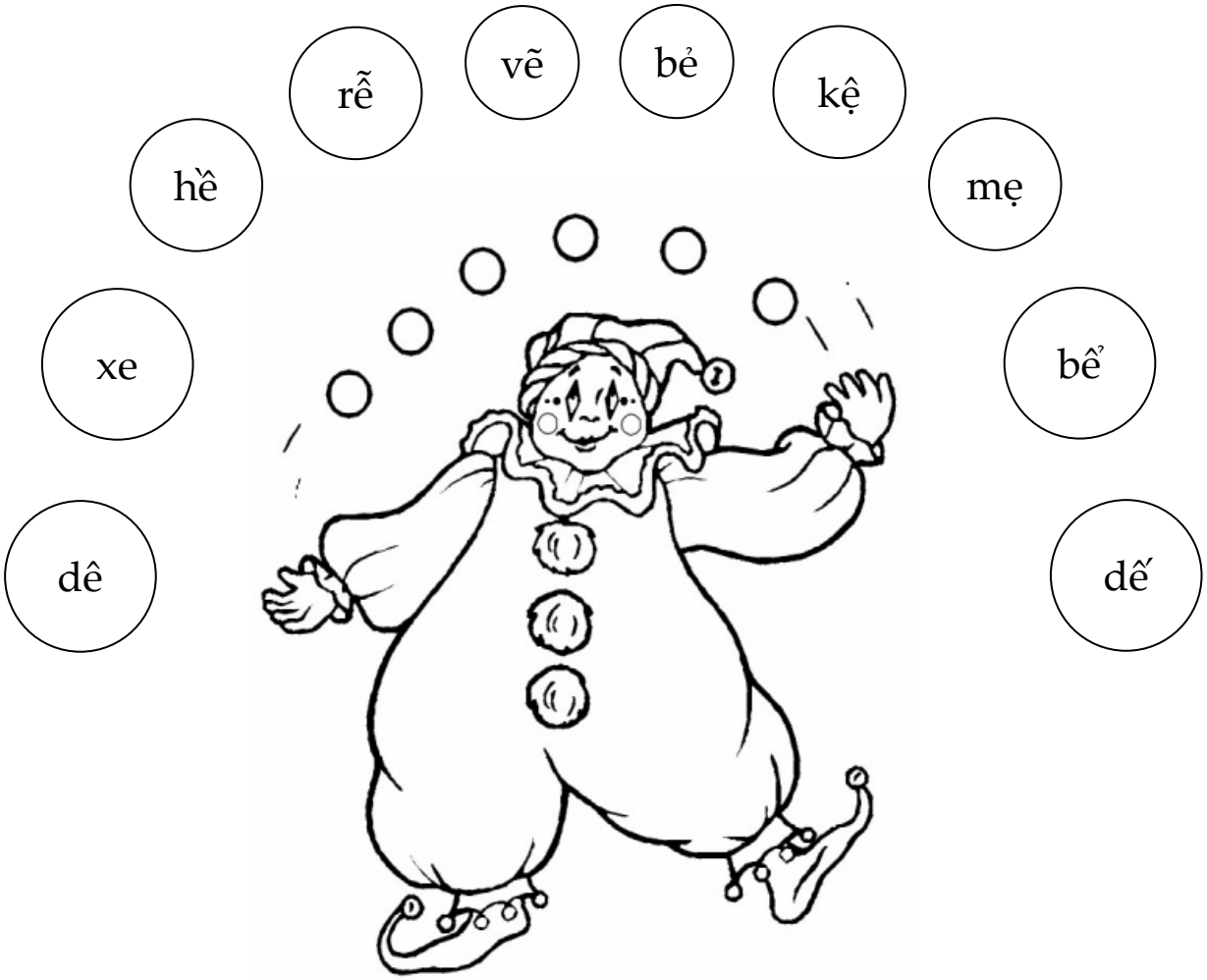

Ôn Vần

(Đọc và cho các em viết chữ *Ê* dưới những hình có vần *Ê*.)

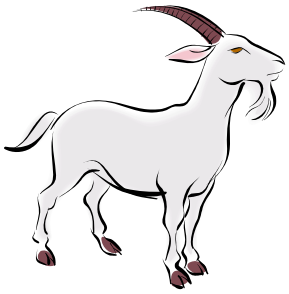

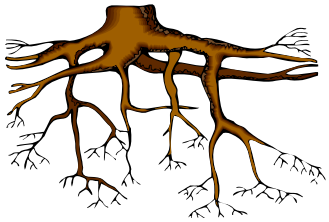

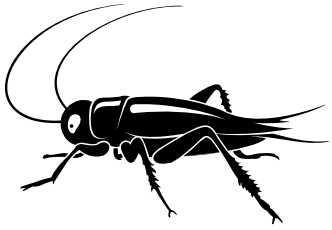

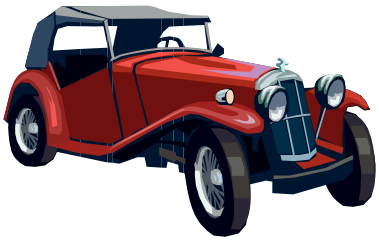

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chính tả dưới những hình. Giúp các em bỏ dấu cho đúng.)

E hay Ê

x

b

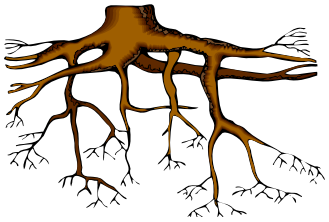

r

b

k

ch

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Dưới ghế.

Dưới bàn học.

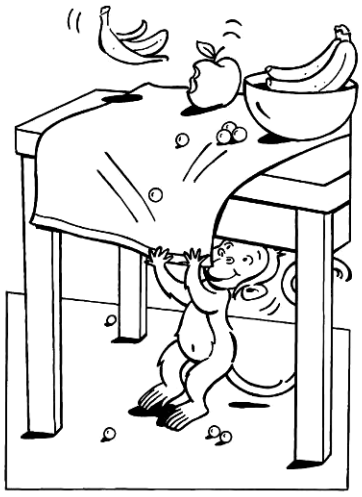

Dưới bàn ăn.

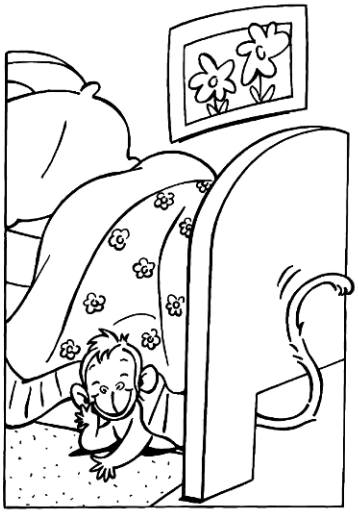

Dưới giường.

Dưới gối.

Dưới dù.

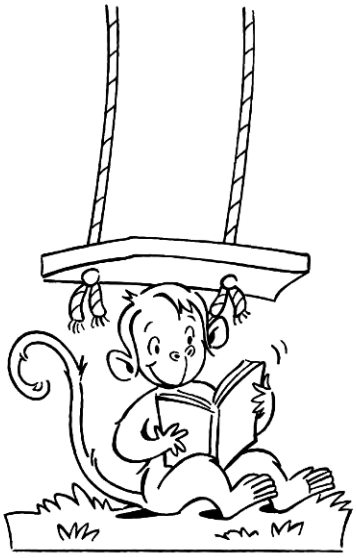

Dưới xích đu.

Dưới cây.

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Anh em như thể tay chân.

Bài 8: A

a ***A***

3

ma ***ba*** ***lá***

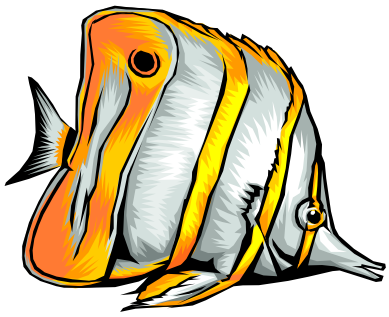

cá *gà* *bà*

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *a, mờ-a-ma, ma.*)

a *(a)*	*m-a* *(mờ-a-ma)*	*ma* *(ma)*	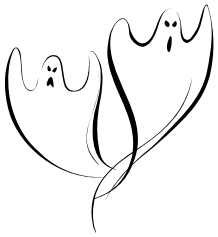
a *(a)*	*b-a* *(bờ-a-ba)*	*ba* *(ba)*	3
a *(a)*	*l-á* *(lờ-a-la-sắc-lá)*	*lá* *(lá)*	
a *(a)*	*c-á* *(cờ-a-ca-sắc-cá)*	*cá* *(cá)*	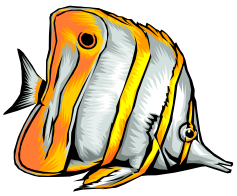
a *(a)*	*g-à* *(gờ-a-ga-huyền-gà)*	*gà* *(gà)*	
a *(a)*	*b-à* *(bờ-a-ba-huyền-bà)*	*bà* *(bà)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

ba

3

bà

cá

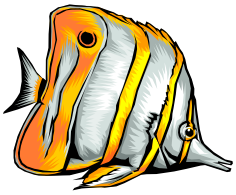

gà

lá

ma

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

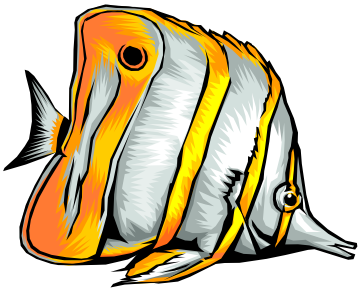

la **ca** **ba**

Đánh Vần

a	**á**	**à**	**ả**	**ã**	**ạ**
ba	**bá**	**bà**	**bả**	**bã**	**bạ**
la	**lá**	**là**	**lả**	**lã**	**lạ**

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *A*.)

Hãy giúp những con ma này tìm đường về nhà.

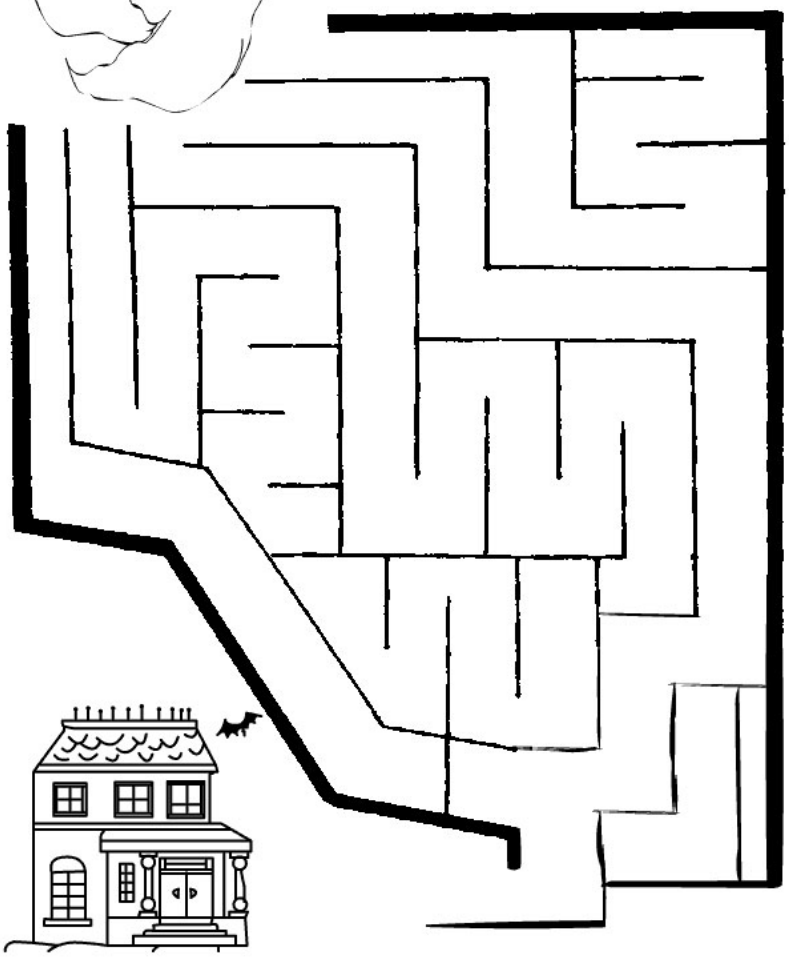

A

a

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *A*.)

A C O

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có vần *A*.)

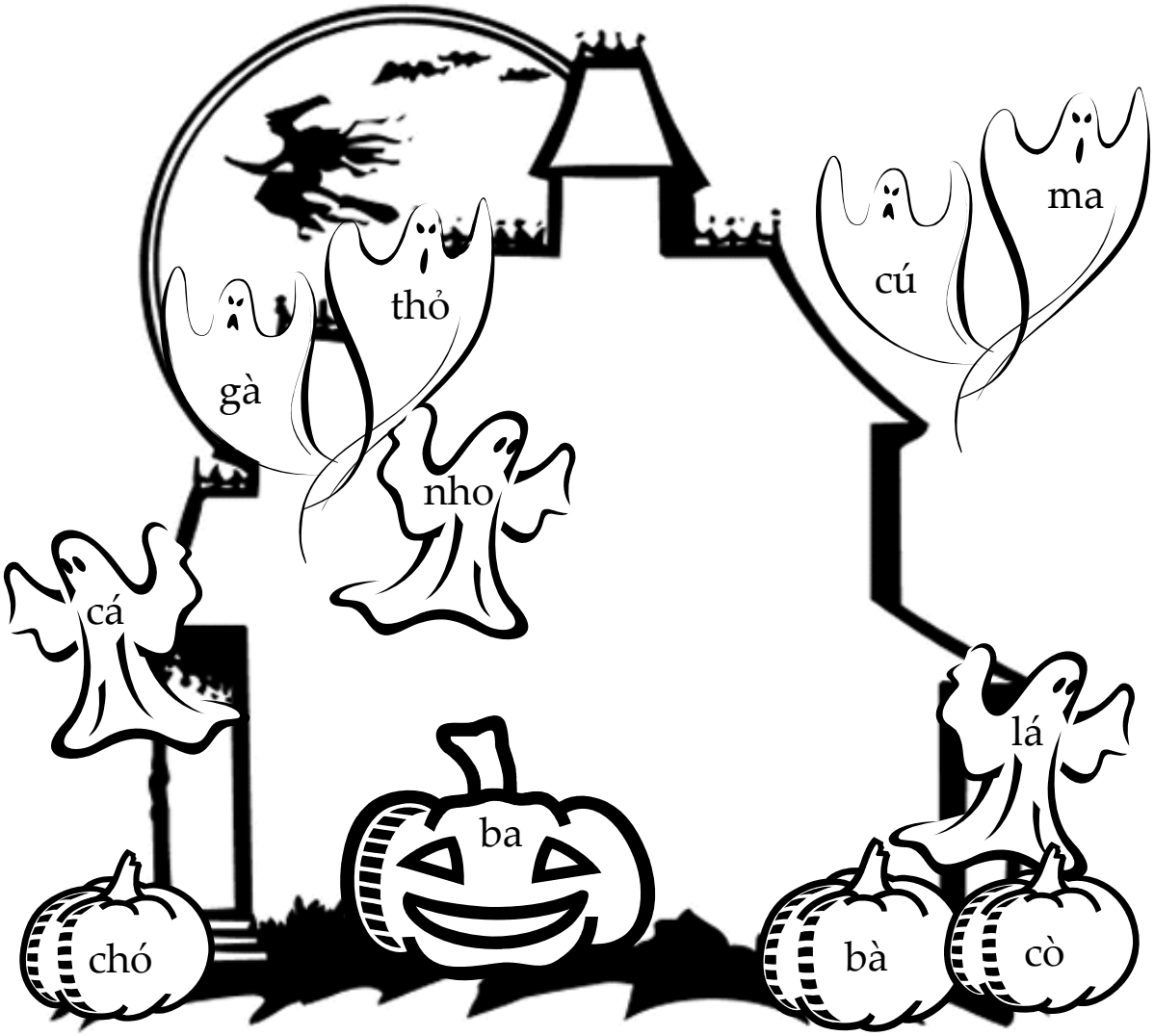

Chọn Chữ

(Chọn và khoanh tròn những chữ cho đúng.)

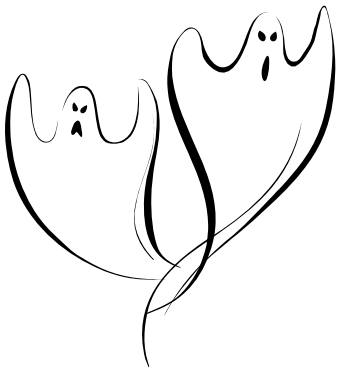

ma
má
mạ

3

ba
bà
bạ

la
lá
lạ

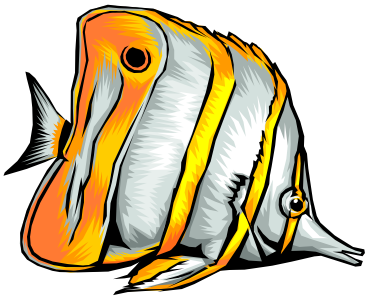

ca
cá
cà

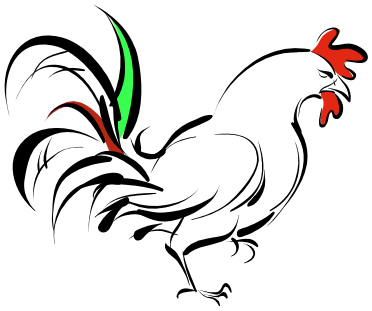

ga
gà
gã

bà
bã
bạ

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chính tả dưới những hình. Giúp các em bỏ dấu cho đúng.)

3

m

b

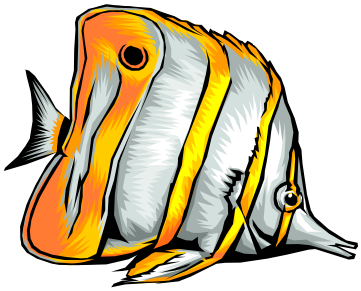

l

c

g b

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

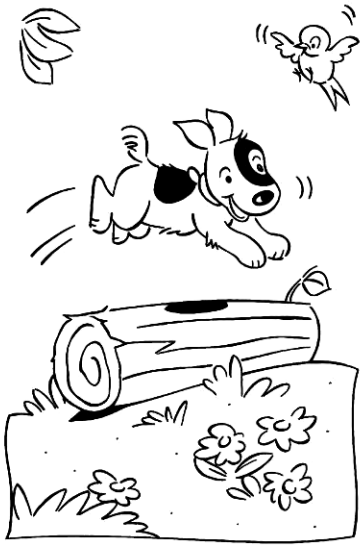

Nhảy qua khúc gỗ.

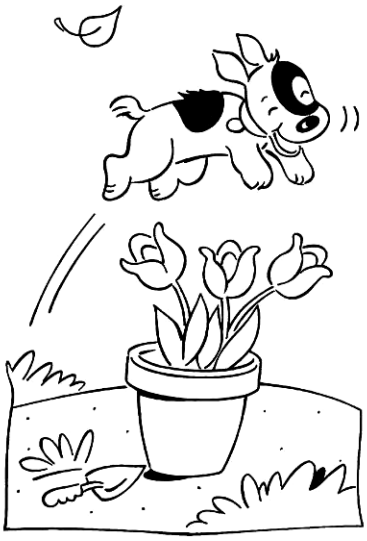

Nhảy qua chậu hoa.

Nhảy qua hố.

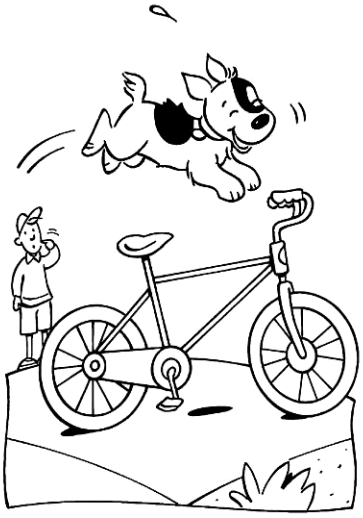

Nhảy qua xe đạp.

Nhảy qua gậy.

Nhảy qua quả banh.

Nhảy qua búp bê.

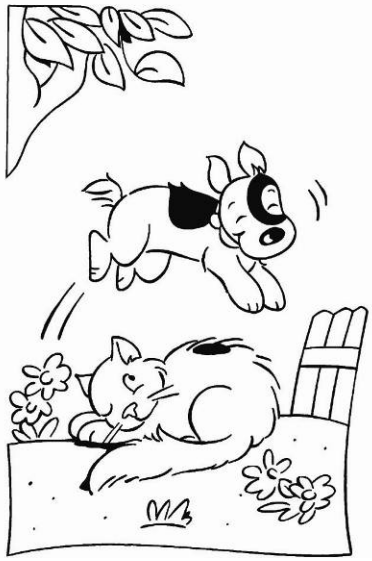

Nhảy qua con mèo.

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Cá không ăn muối cá ươn,

Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

Bài 9: Ă

ă *Ă*

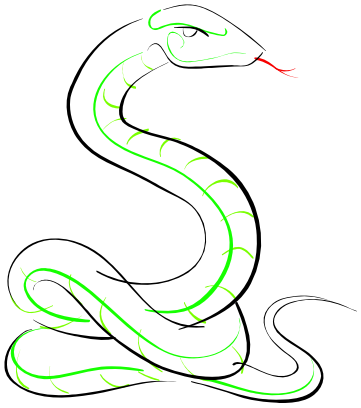

ăn *chăn* *rắn*

5

ẵm *năm* *tắm*

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *á, á-nờ-ăn, ăn.*)

ă	*ăn*	*ăn*	
(á)	*(á-nờ-ăn)*	*(ăn)*	
ăn	*ch-ăn*	*chăn*	
(á-nờ-ăn)	*(chờ-ăn-chăn)*	*(chăn)*	
ăn	*r-ắn*	*rắn*	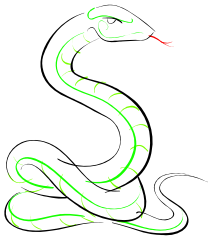
(á-nơ-ăn)	*(rờ-ăn-răn-sắc-rắn)*	*(rắn)*	
ă	*ẵm*	*ẵm*	
(á)	*(á-mờ-ăm-ngã-ẵm)*	*(ẵm)*	
ăm	*n-ăm*	*năm*	5
(á-mờ-ăm)	*(nờ-ăm-năm)*	*(năm)*	
ăm	*t-ắm*	*tắm*	
(á-mờ-ăm)	*(tờ-ăm-tăm-sắc-tắm)*	*(tắm)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

ăn

ăm

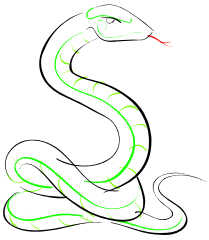

chăn

năm

5

rắn

tắm

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

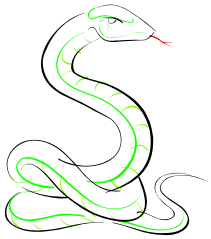

răn **tăm** **ăm**

Đánh Vần

ăn	**ắn**	**ằn**	**ẳn**	**ẵn**	**ặn**
ăm	**ắm**	**ằm**	**ẳm**	**ẵm**	**ặm**

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *Ă*.)

răn

Ă

ă

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *Ă*.)

A Ă Â

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có vần *Ă*.)

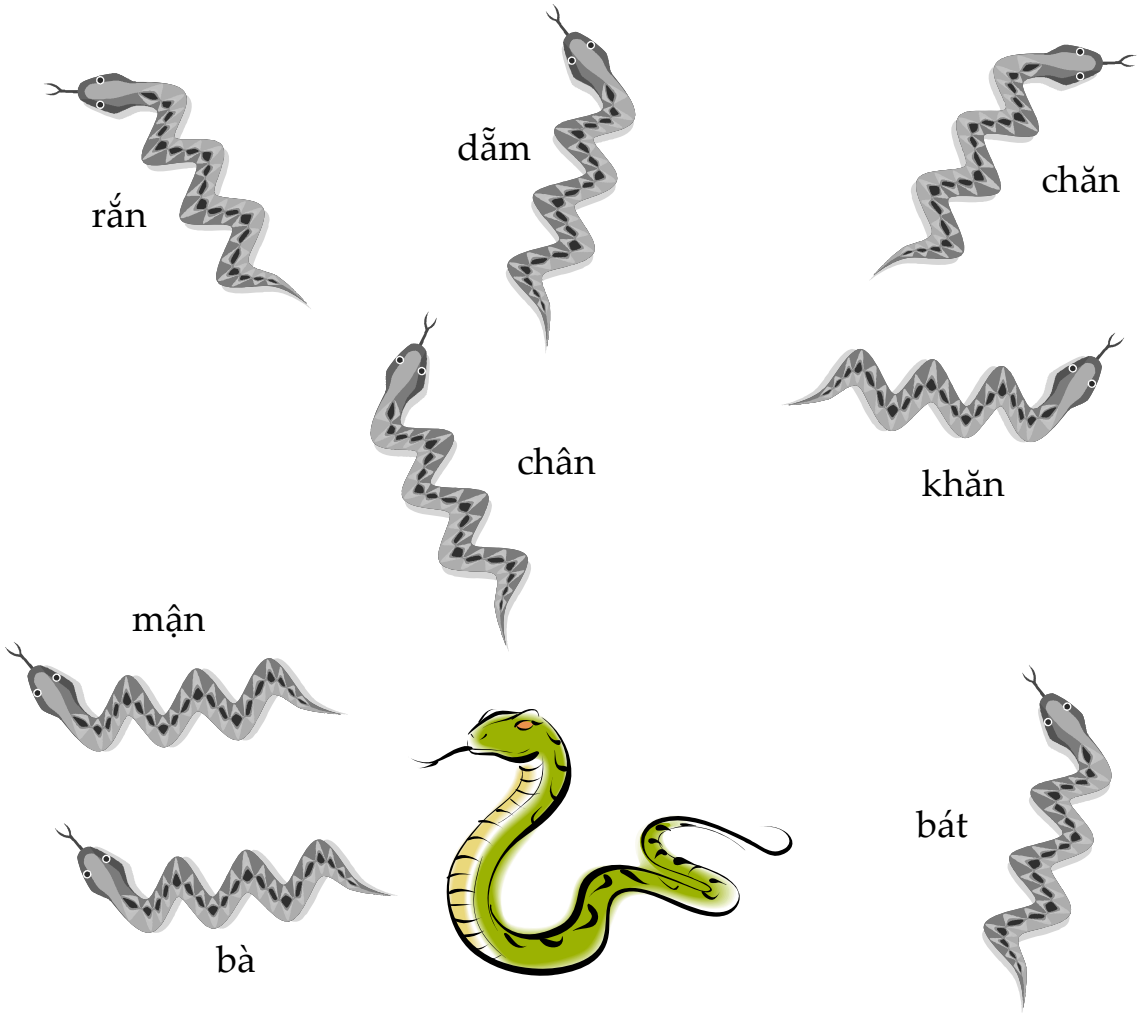

Chọn Chữ

(Chọn và khoanh tròn những chữ cho đúng.)

ăn
ắn
ẳn

chăn
chắn
chằn

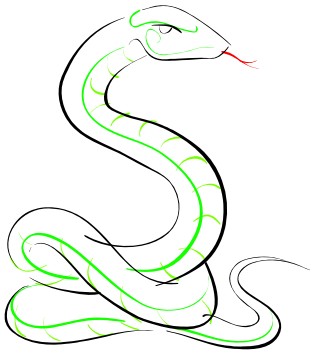

răn
rắn
rặn

ẳm
ẵm
ặm

5

năm
nắm
nằm

tăm
tắm
tằm

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chính tả dưới những hình. Giúp các em bỏ dấu cho đúng.)

n

ch n

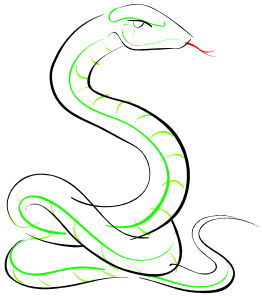

r n

m

5

n *m* *t* *m*

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Con chó lên xe.

Con heo lên xe.

Con chim lên xe.

Con mèo lên xe.

Con dê lên xe.

Con bò lên xe.

Con vịt lên xe.

Những con vật lên xe.

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

Bài 10: Â

â *Â*

ấn *lân* *cân*

ấm *nấm* *đầm*

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *ớ, ớ-nờ-ân-sắc-ấn, ấn.*)

â	*ấn*	*ấn*	
(ớ)	*(ớ-nờ-ân-sắc-ấn)*	*(ấn)*	
ân	*l-ân*	*lân*	
(ớ-nờ-ân)	*(lờ-ân-lân)*	*(lân)*	
ân	*c-ân*	*cân*	
(ớ-nờ-ân)	*(cờ-ân-cân)*	*(cân)*	
â	*ấm*	*ấm*	
(ớ)	*(ớ-mờ-âm-sắc-ấm)*	*(ấm)*	
âm	*n-ấm*	*nấm*	
(ớ-mờ-âm)	*(nờ-âm-nâm-sắc-nấm)*	*(nấm)*	
âm	*đ-ầm*	*đầm*	
(ớ-mờ-âm)	*(đờ-âm-đâm-huyền-đầm)*	*(đầm)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

ấn

ấm

cân

đầm

lân

nấm

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

ân **âm** **đâm**

Đánh Vần

ân	**ấn**	**ần**	**ẩn**	**ẫn**	**ận**
âm	**ấm**	**ầm**	**ẩm**	**ẫm**	**ậm**

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *Â*.)

ấm

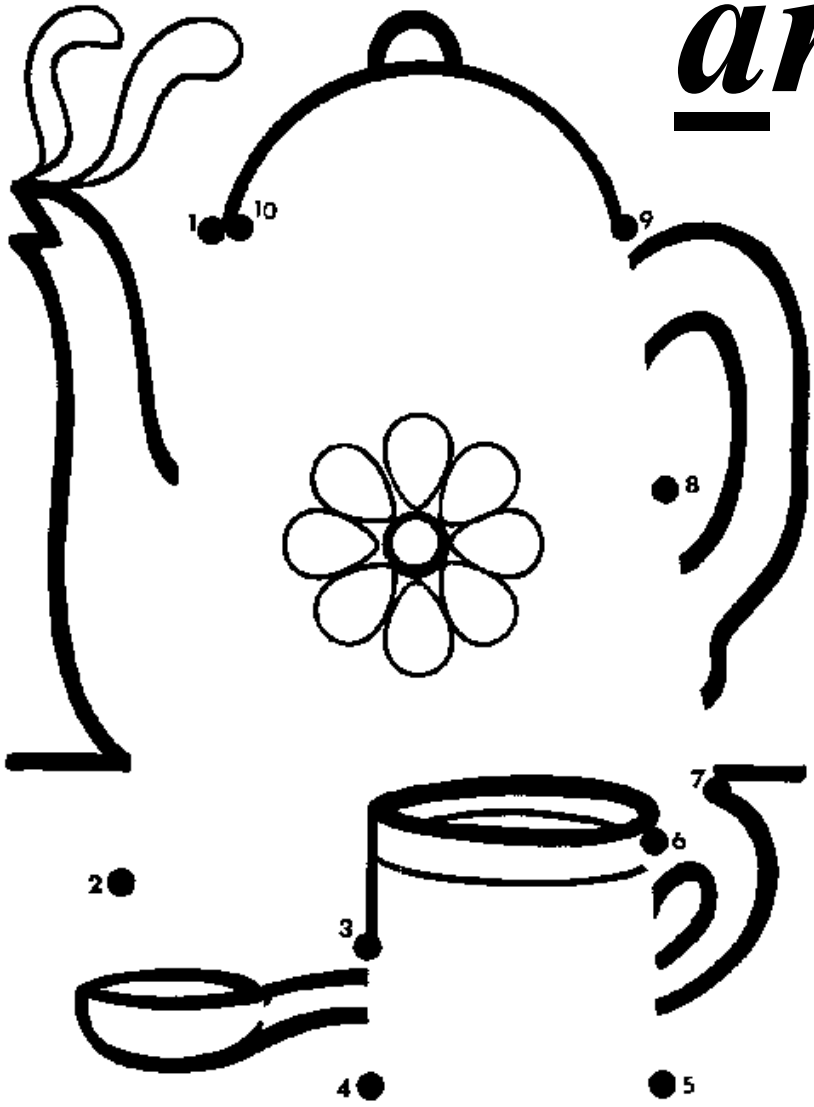

Â

â

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *Â*.)

A Ă Â

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có vần *Â*.)

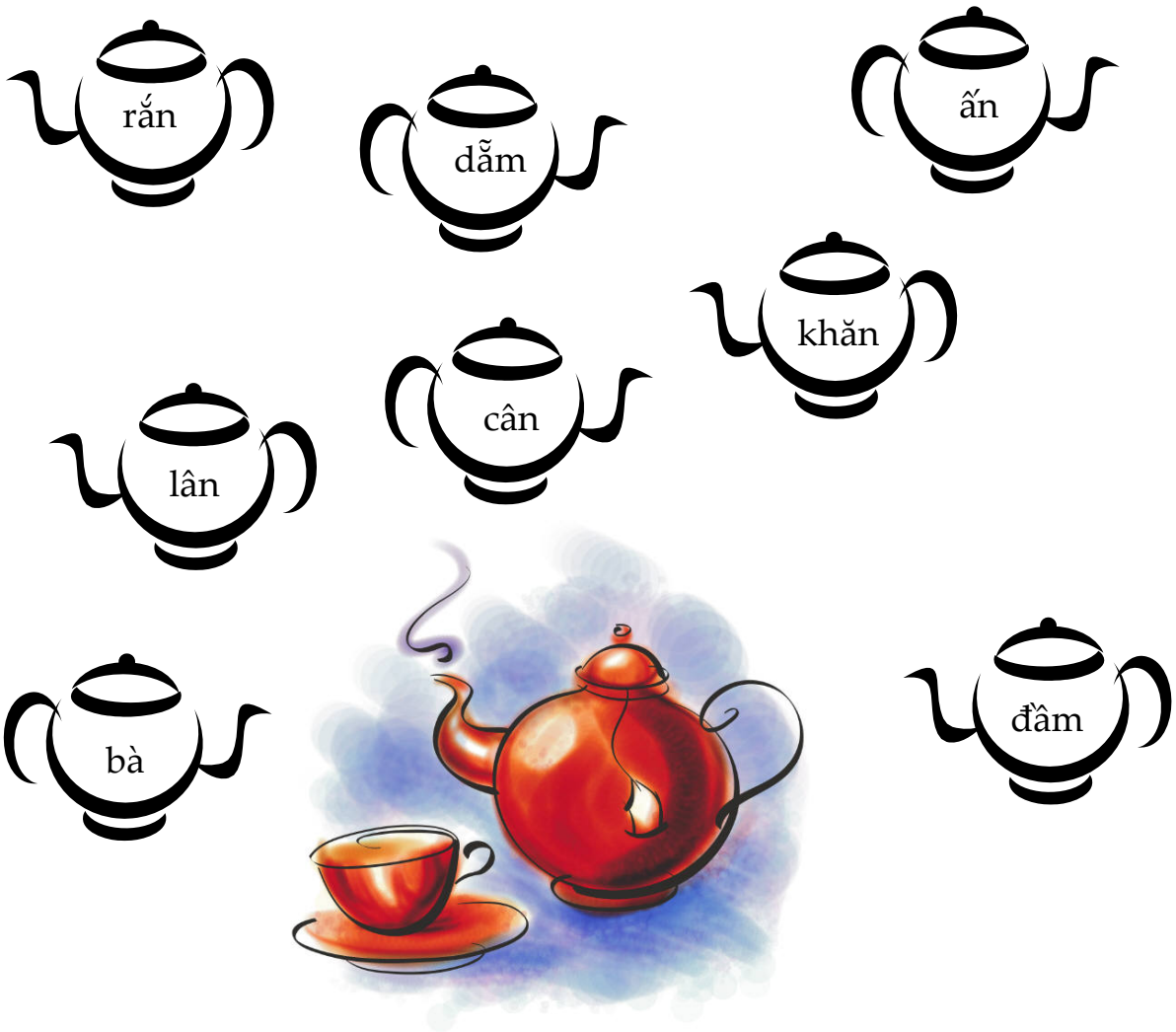

Chọn Chữ

(Chọn và khoanh tròn những chữ cho đúng.)

ân
ấn
ẩn

lân
lấn
lần

cân
cần
cẩn

âm
ấm
ầm

nâm
nấm
nậm

đâm
đầm
đậm

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chính tả dưới những hình. Giúp các em bỏ dấu cho đúng.)

n

l n

c n

m

n *m* *đ* *m*

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Em đang chạy.

Em đang nhảy.

Em đang đánh đu.

Em đang nhảy lò cò.

Em đang trượt ván.

Em đang leo cây.

Em đang bò.

Em đang chơi.

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Ân trả nghĩa đền.

Bài 11: U

u ***U***

đu ***cú*** ***mù***

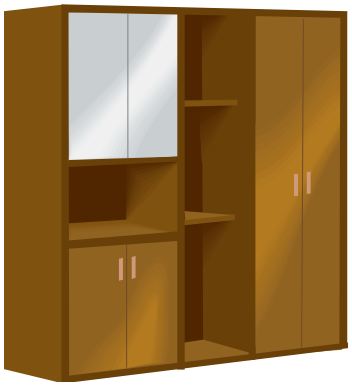

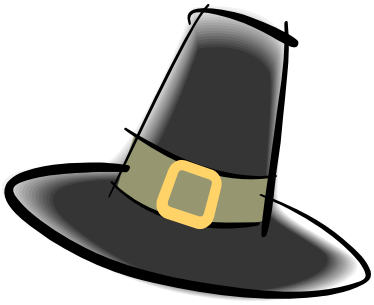

tủ ***mũ*** ***vụ***

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *u, đờ-u-đu, đu*.)

u *(u)*	*đ-u* *(đờ-u-đu)*	*đu* *(đu)*	
u *(u)*	*c-ú* *(cờ-u-cu-sắc-cú)*	*cú* *(cú)*	
u *(u)*	*m-ù* *(mờ-u-mu-huyền-mù)*	*mù* *(mù)*	
u *(u)*	*t-ủ* *(tờ-u-tu-hỏi-tủ)*	*tủ* *(tủ)*	
u *(u)*	*m-ũ* *(mờ-u-mu-ngã-mũ)*	*mũ* *(mũ)*	
u *(u)*	*v-ụ* *(vờ-u-vu-nặng-vụ)*	*vụ* *(vụ)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

cú

đu

mù

mũ

tủ

vụ

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

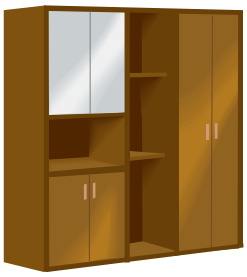

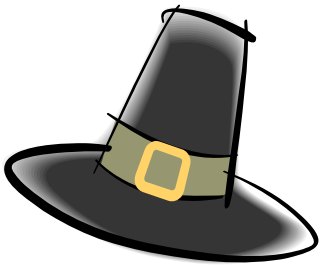

mu	***tu***	***mu***

Đánh Vần

u	**ú**	**ù**	**ủ**	**ũ**	**ụ**
tu	**tú**	**tù**	**tủ**	**tũ**	**tụ**
mu	**mú**	**mù**	**mủ**	**mũ**	**mụ**

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *U*.)

cú

U

u

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *U*.)

Ơ E U

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có vần *U*.)

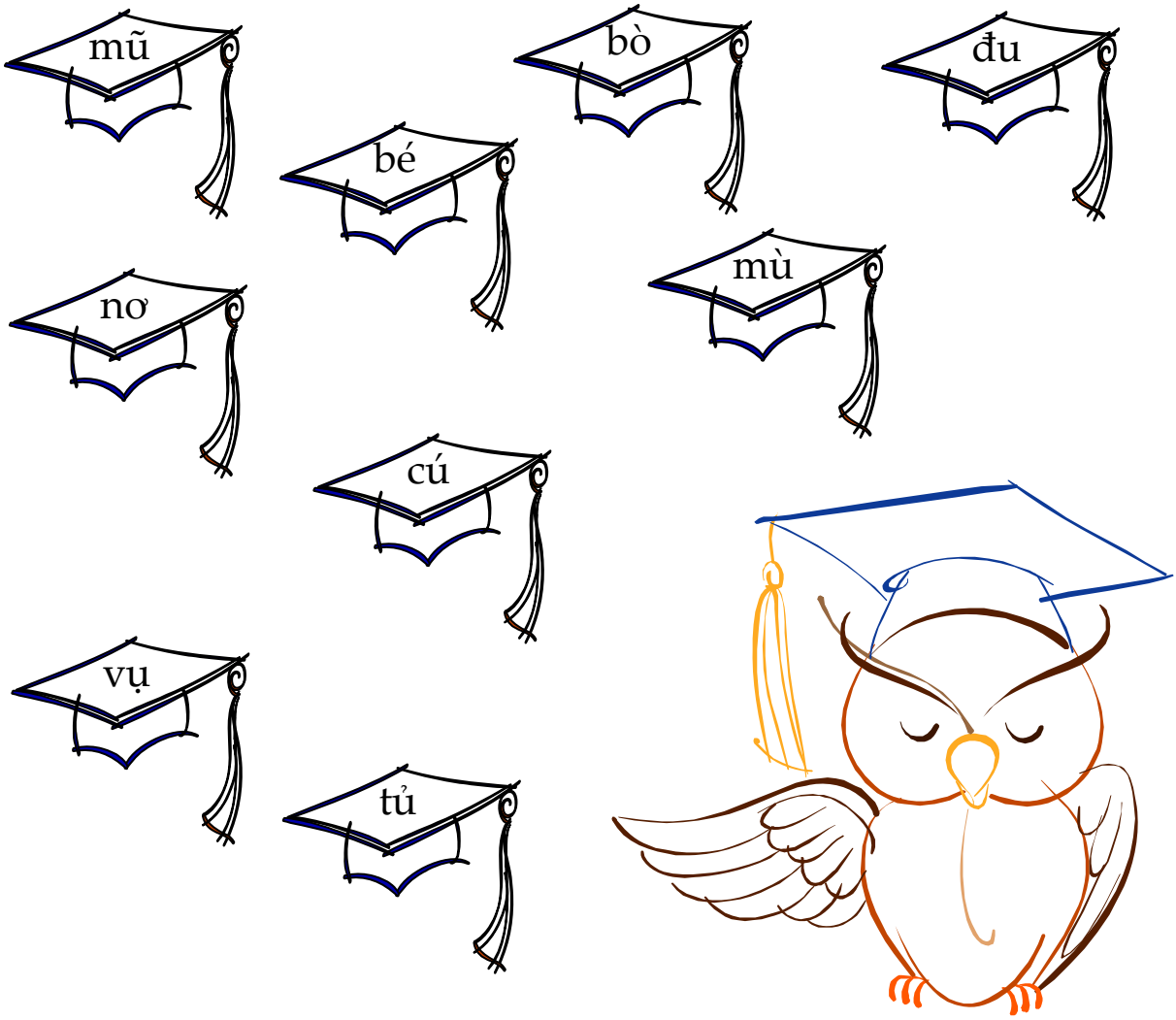

Ôn Vần

(Đọc và cho các em viết chữ *U* dưới những hình có vần *U*.)

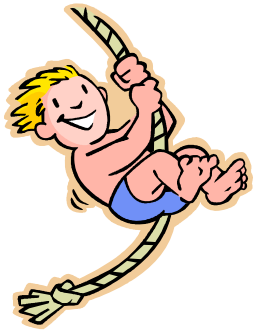

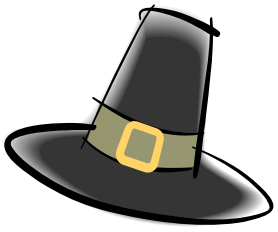

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chính tả dưới những hình. Giúp các em bỏ dấu cho đúng.)

đ

c

m

t

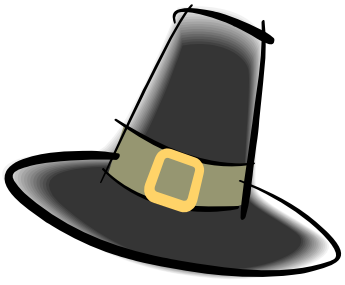

m *v*

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

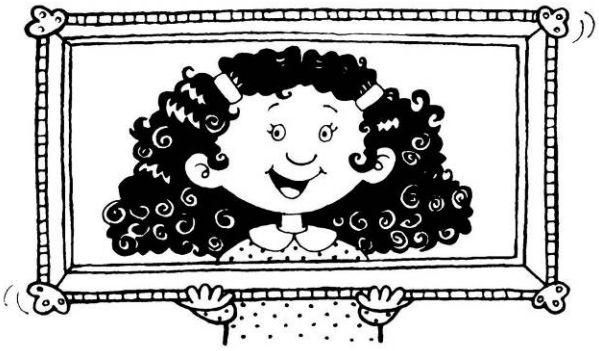

Tóc em quăn.

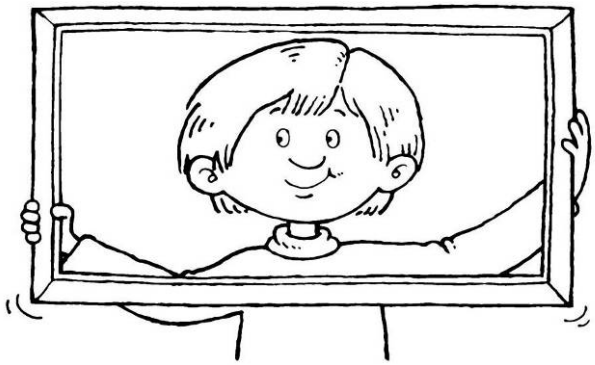

Tóc em thẳng.

Tóc em màu đen.

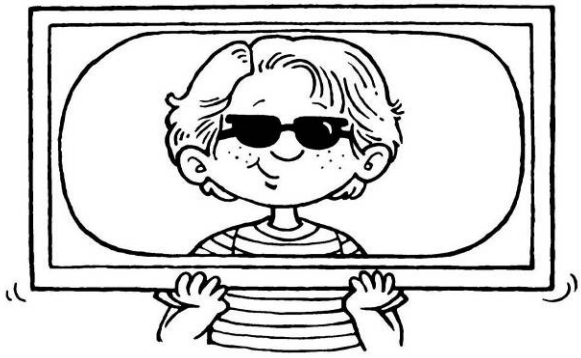

Tóc em màu vàng.

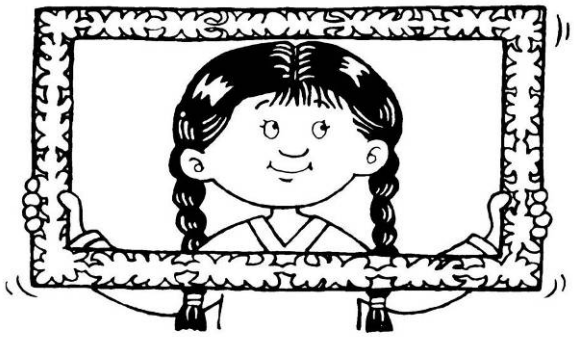

Tóc em thắt bím.

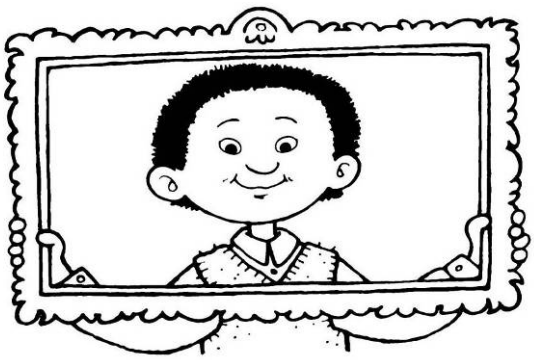

Tóc em ngắn.

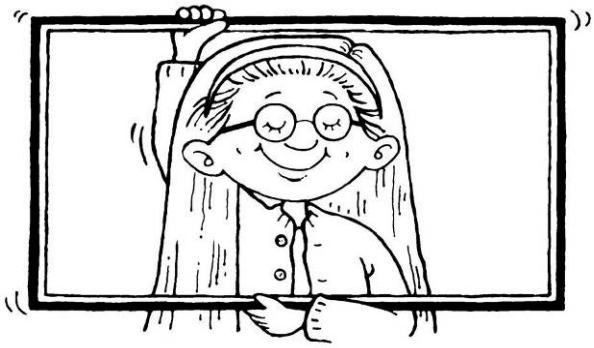

Tóc em dài.

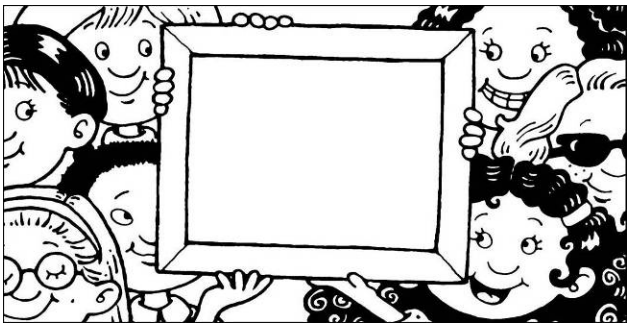

Tóc bạn thì sao?

Ca dao

(Cho các em học thuộc lòng câu ca dao sau đây.)

Ta về ta tắm ao ta,

Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn.

Bài 12: Ư

ư ***Ư***

lư ***thư*** ***sư***

5
- 3
2

sứ ***trừ*** ***sư tử***

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *ư, lờ-ư-lư, lư.*)

ư	*l-ư*	*lư*	
(ư)	*(lờ-ư-lư)*	*(lư)*	
ư	*th-ư*	*thư*	
(ư)	*(thờ-ư-thư)*	*(thư)*	
ư	*s-ư*	*sư*	
(ư)	*(sờ-ư-sư)*	*(sư)*	
ư	*s-ứ*	*sứ*	
(ư)	*(sờ-ư-sư-sắc-sứ)*	*(sứ)*	
ư	*tr-ừ*	*trừ*	**5** **- 3** **2**
(ư)	*(trờ-ư-trư-huyền-trừ)*	*(trừ)*	
ư	*s-ư t-ử*	*sư tử*	
(ư)	*(sờ-ư-sư, tờ-ư-tư-hỏi-tử)*	*(sư tử)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

5
- 3
2

lư

sư

sư tử

sứ

thư

trừ

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

5
- 3
= 2

sư	**trư**	**sư tư**

Đánh Vần

ư	**ứ**	**ừ**	**ử**	**ữ**	**ự**
lư	**lứ**	**lừ**	**lử**	**lữ**	**lự**
sư	**sứ**	**sừ**	**sử**	**sữ**	**sự**

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *Ư*.)

sư tử

Ư

ư

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *Ư*.)

Ơ Ư U

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có vần *Ư*.)

Ôn Vần

(Đọc và cho các em viết chữ *Ư* dưới những hình có vần *Ư*.)

$$\begin{array}{r} 5 \\ -\ 3 \\ \hline 2 \end{array}$$

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chính tả dưới những hình. Giúp các em bỏ dấu cho đúng.)

U hay Ư

l

t

S

C

5
- 3
2

m

tr

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

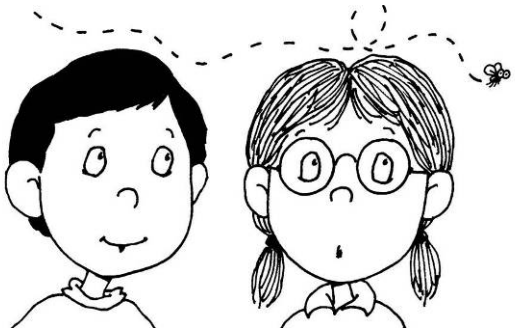

Mắt nhìn lên.

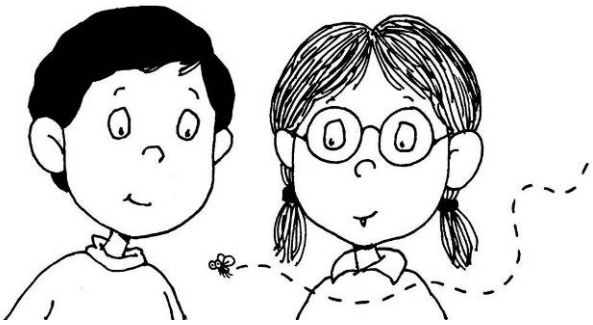

Mắt nhìn xuống.

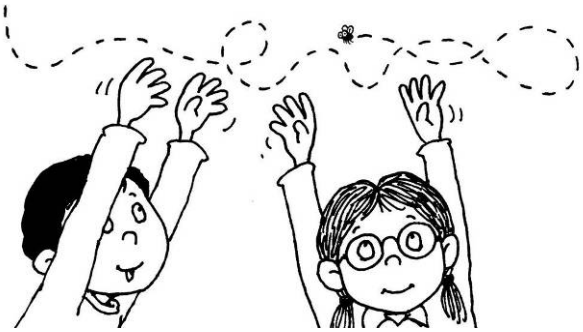

Tay đưa lên.

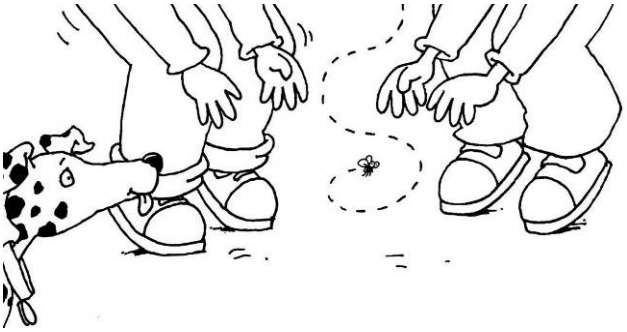

Tay đưa xuống.

Chó nhảy lên.

Chó nhảy xuống.

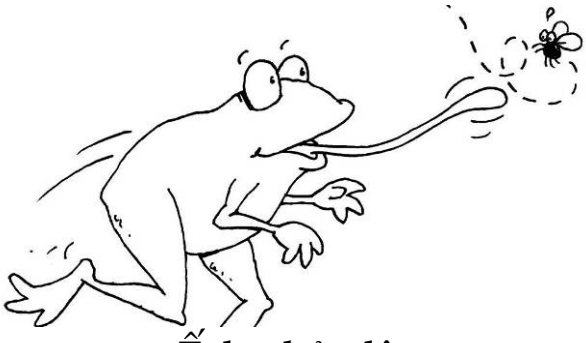

Ếch nhảy lên.

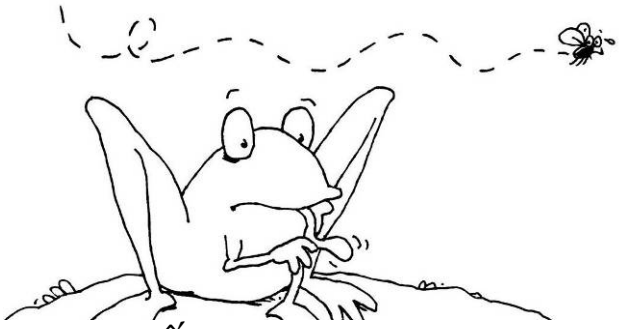

Ếch nhảy xuống.

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Thương người như thể thương thân.

Bài 13: Y

y *Y*

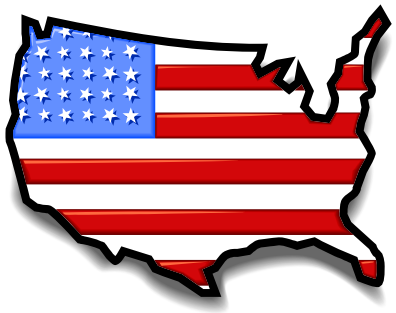

ly *Mỹ* *Ý*

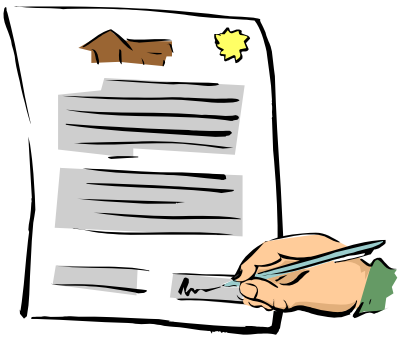

ký ***y tá*** ***bác sỹ***

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *y, lờ-y-ly, ly*.)

y *(y)*	*l-y* *(lờ-y-ly)*	*ly* *(ly)*	
y *(y)*	*M-ỹ* *(mờ-y-my-ngã-mỹ)*	*Mỹ* *(mỹ)*	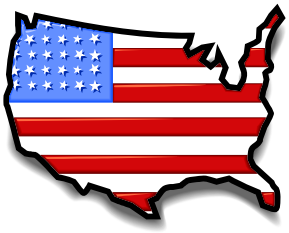
y *(y)*	*Ý* *(y-sắc-ý)*	*Ý* *(ý)*	
y *(y)*	*k-ý* *(cờ-y-ky-sắc-ký)*	*ký* *(ký)*	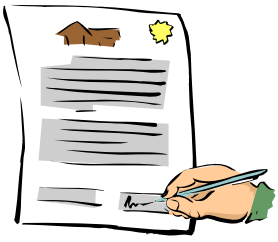
y *(y)*	*y* *(y)*	*y tá* *(y tá)*	
y *(y)*	*s-ỹ* *(sờ-y-sy-ngã-sỹ)*	*bác sỹ* *(bác sỹ)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

bác sỹ

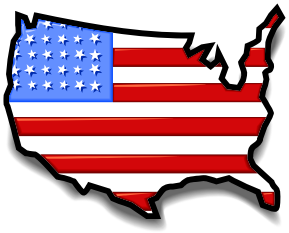

ký

ly

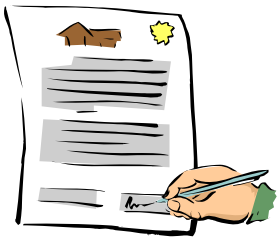

Mỹ

y tá

Ý

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

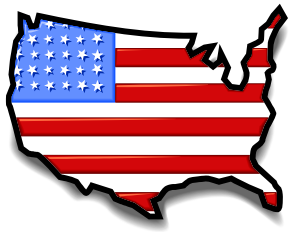

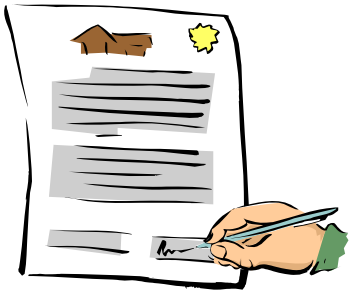

My **Y** **ky**

Đánh Vần

y	ý	ỳ	ỷ	ỹ	ỵ
ky	ký	kỳ	kỷ	kỹ	kỵ

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *Y*.)

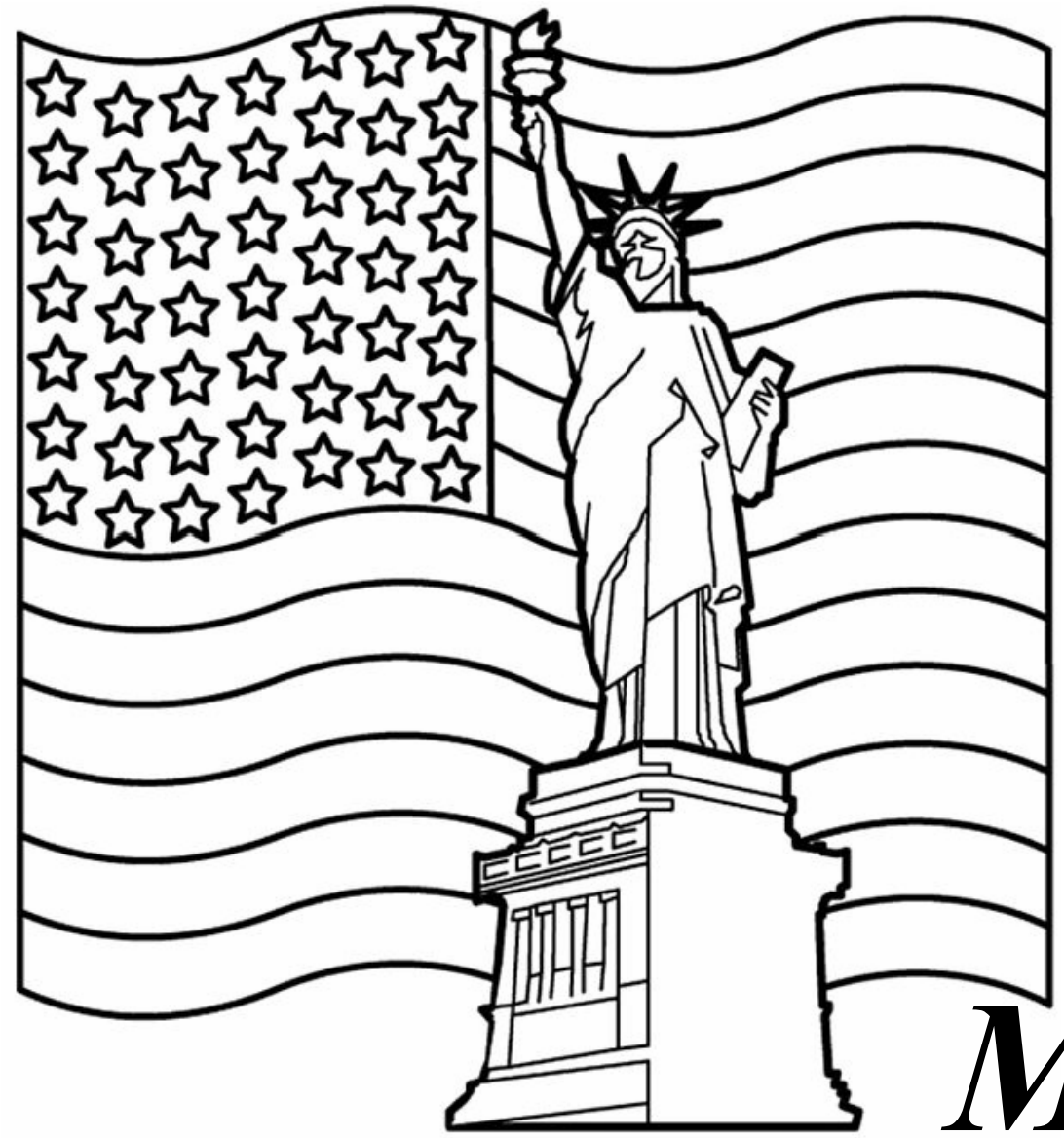

Mỹ

Y

y

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *Y*.)

I V Y

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có vần *Y*.)

Mỹ
kiến
ly
Ý
ký
kéc
kèn
y tá
bác sỹ

Ôn Vần

(Đọc và cho các em viết chữ *Y* dưới những hình có vần *Y*.)

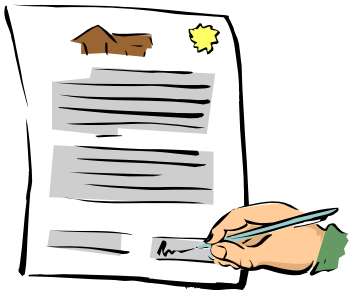

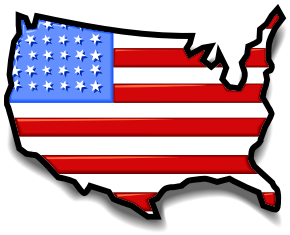

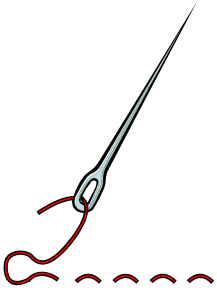

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chính tả dưới những hình. Giúp các em bỏ dấu cho đúng.)

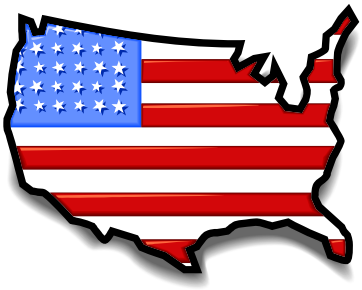

l

M

k

tá *bác s*

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Em thấy .
cô giáo

Em thấy .
bác sỹ

Em thấy .
y tá

Em thấy .
lính chữa lửa

Em thấy .
cảnh sát

Em thấy .
thợ mộc

Em thấy .
thợ sửa ống nước

Em thấy .
phi công

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Có loạn ly mới biết người trung nghĩa.

Bài 14: T

t ***T***

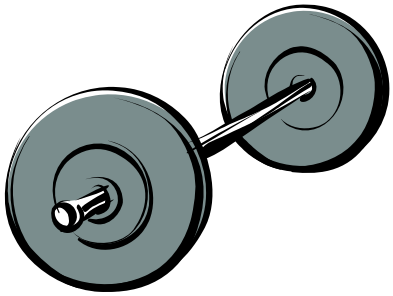

tủ ***tổ*** ***tạ***

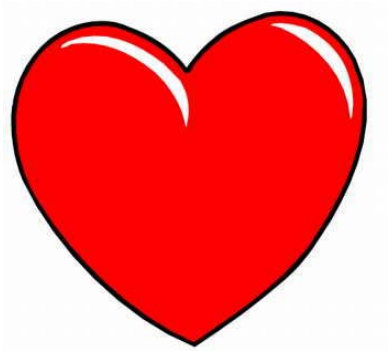

tay *tai* *tim*

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *tờ, tờ-u-tu-hỏi-tủ, tủ*)

t *(tờ)*	*t-ủ* *(tờ-u-tu-hỏi-tủ)*	*tủ* *(tủ)*	
t *(tờ)*	*t-ổ* *(tờ-ô-tô-hỏi-tổ)*	*tổ* *(tổ)*	
t *(tờ)*	*t-ạ* *(tờ-a-ta-nặng-tạ)*	*tạ* *(tạ)*	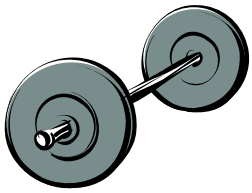
t *(tờ)*	*t-ay* *(tờ-ay-tay)*	*tay* *(tay)*	
t *(tờ)*	*t-ai* *(tờ-ai-tai)*	*tai* *(tai)*	
t *(tờ)*	*t-im* *(tờ-im-tim)*	*tim* *(tim)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

tạ

tai

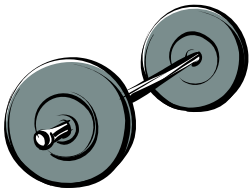

tay

tim

tổ

tủ

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

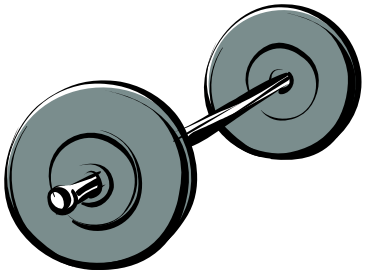

tu **ta** **tô**

Đánh Vần

ta	**tá**	**tà**	**tả**	**tã**	**tạ**
tô	**tố**	**tồ**	**tổ**	**tỗ**	**tộ**
tê	**tế**	**tề**	**tể**	**tễ**	**tệ**

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *T*.)

tim

T

t

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *T*.)

T D Đ

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *T*.)

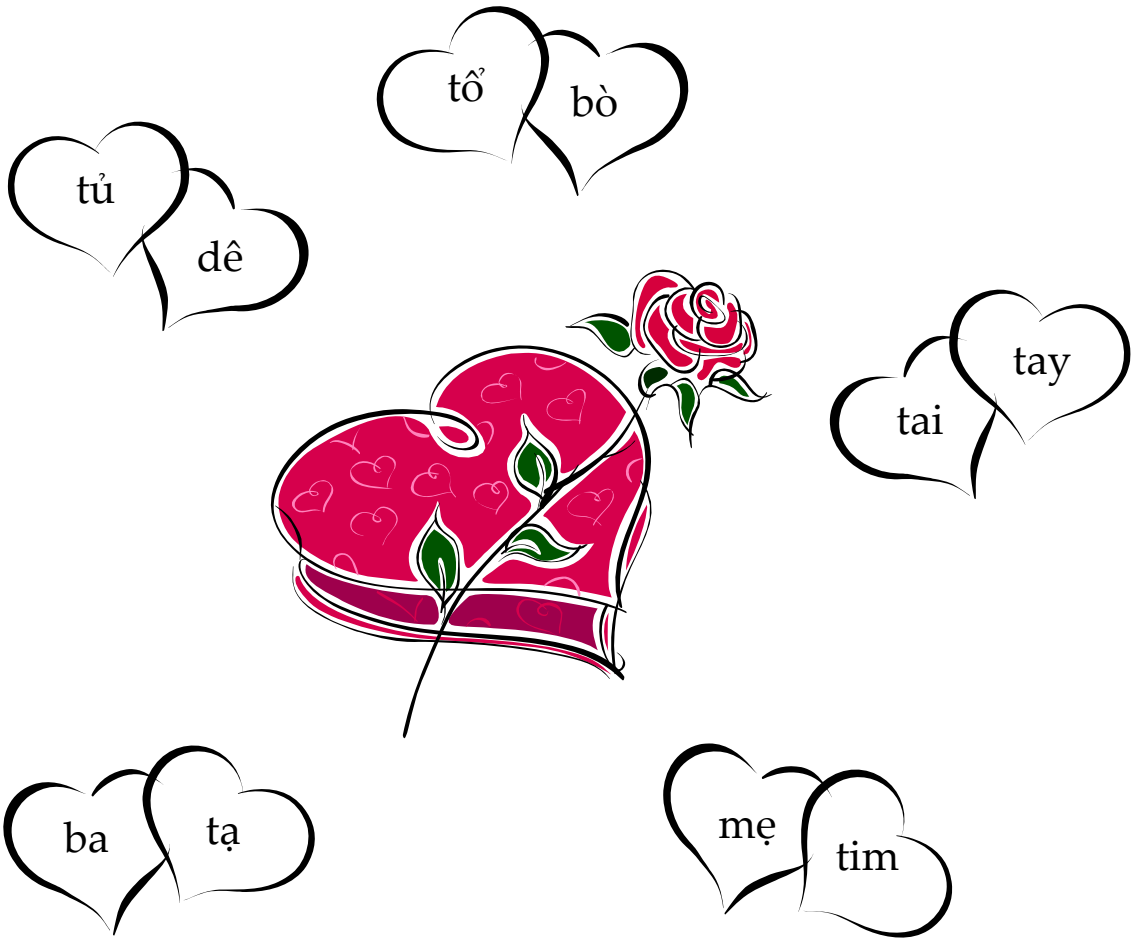

Chọn Chữ

(Chọn và khoanh tròn những chữ cho đúng.)

tu
tù
tủ

tô
tố
tổ

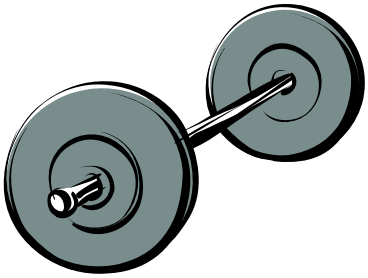

tà
tã
tạ

tay
tày
tảy

tai
tái
tài

tim
tím
tìm

Ôn Vần

(Đọc và cho các em viết chữ *T* dưới những hình bắt đầu bằng phụ âm *T*.)

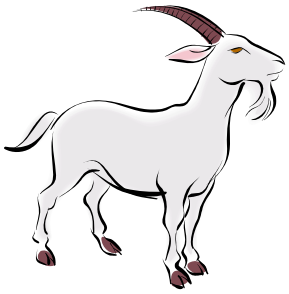

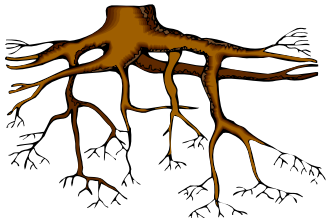

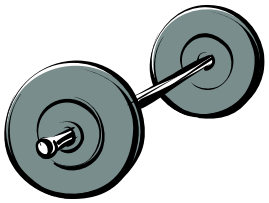

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Em thích hoa.

Em thích cây cối.

Em thích chim.

Em thích ong.

Em thích đánh đu.

Em thích cầu tuột.

Em thích đào đất.

Em thích chơi ngoài trời.

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Tốt danh hơn lành áo.

Bài 15: D, Đ

d D đ Đ

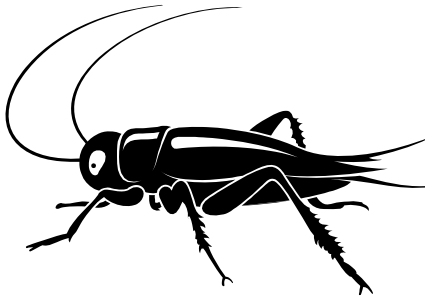

dê *dế* *dù*

đá ***đi*** ***đu***

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *dờ, dờ-ê-dê, dê.*)

d	*d-ê*	*dê*	
(dờ)	*(dờ-ê-dê)*	*(dê)*	
d	*d-ế*	*dế*	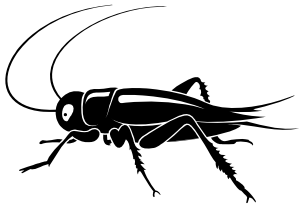
(dờ)	*(dờ-ê-dê-sắc-dế)*	*(dế)*	
d	*d-ù*	*dù*	
(dờ)	*(dờ-u-du-huyền-dù)*	*(dù)*	
đ	*đ-á*	*đá*	
(đờ)	*(đờ-a-đa-sắc-đá)*	*(đá)*	
đ	*đ-i*	*đi*	
(đờ)	*(đờ-i-đi)*	*(đi)*	
đ	*đ-u*	*đu*	
(đờ)	*(đờ-u-đu)*	*(đu)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

dê

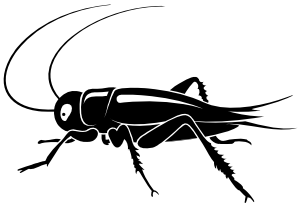

dế

dù

đá

đi

đu

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

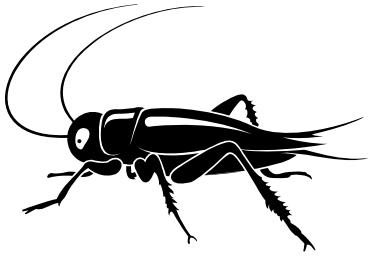

dê **du** **đa**

Đánh Vần

dê	**dế**	**dề**	**dể**	**dễ**	**dệ**
du	**dú**	**dù**	**dủ**	**dũ**	**dụ**
đa	**đá**	**đà**	**đả**	**đã**	**đạ**
đo	**đó**	**đò**	**đỏ**	**đõ**	**đọ**

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *D*.)

dê

D

d

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *Đ*.)

***đ*èn**

Đ

đ

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *D*.)

D C O

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *D*.)

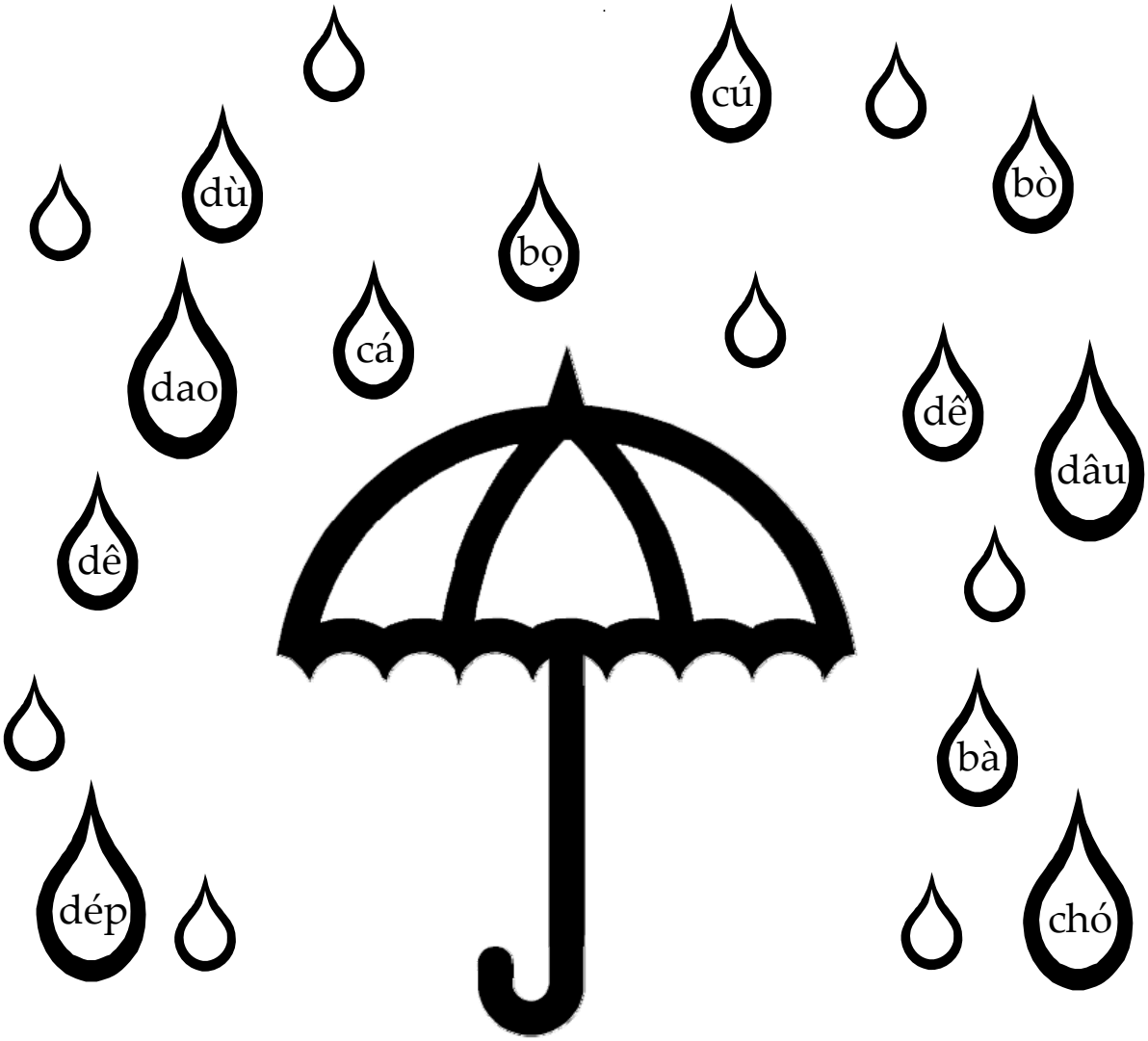

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *Đ*.)

D Đ C

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *Đ*.)

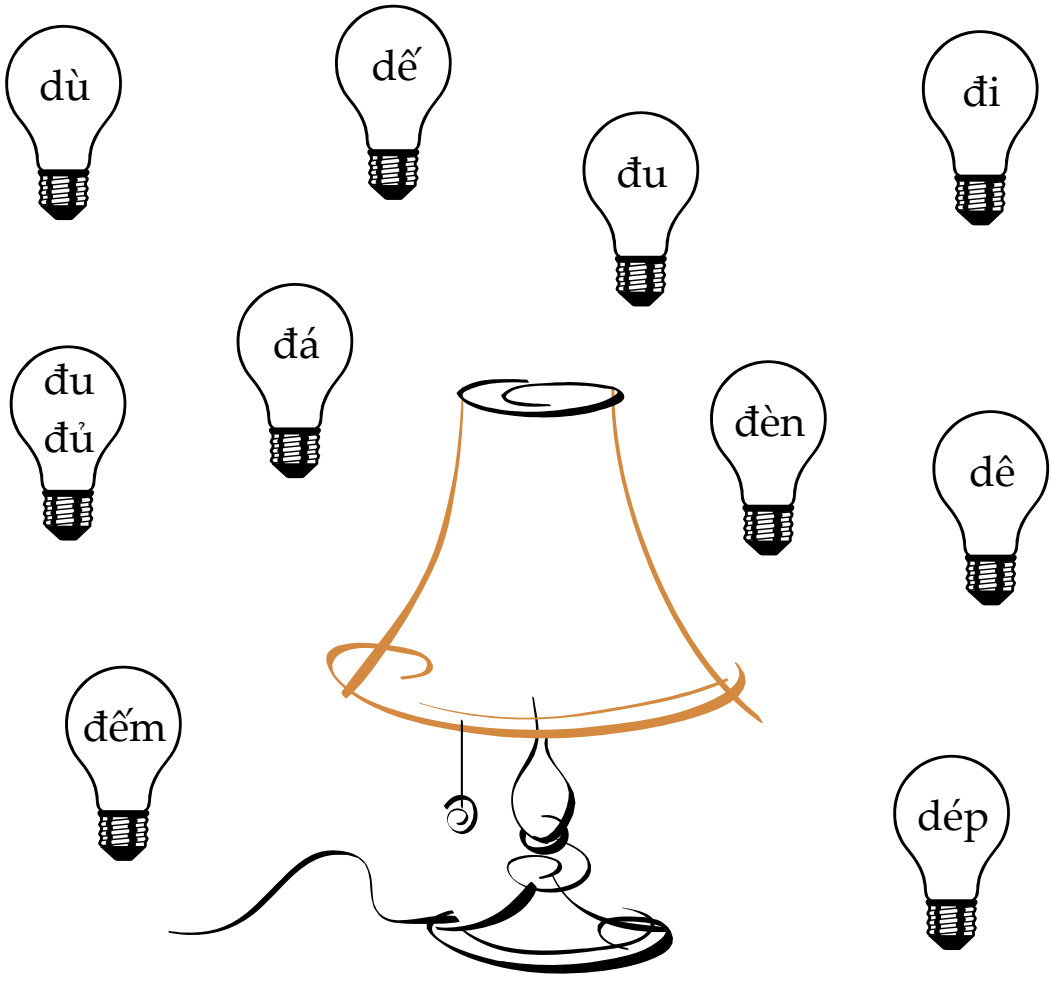

Ôn Vần

(Đọc và cho các em viết chữ *D* hay *Đ* dưới những hình bắt đầu bằng phụ âm *D* hay *Đ*.)

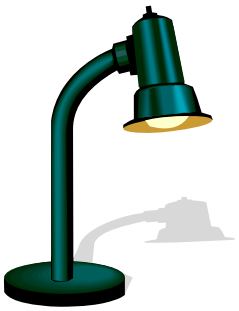

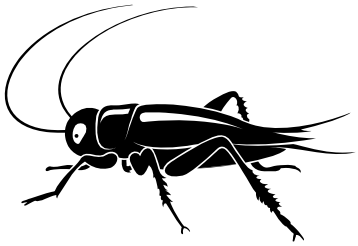

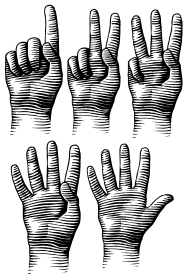

Chính Tả

(Đọc cho các em tên của những hình sau đây cho các em viết vào những chỗ trống.)

D hay Đ

ù

á

i

ê

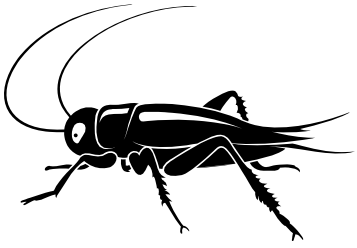

u *ế*

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Chúng em đi đến 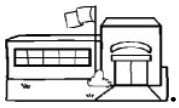 .
trường học

Em đi đến 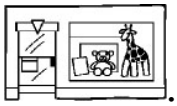 .
tiệm đồ chơi

Chúng em đi đến .
công viên

Em đi đến 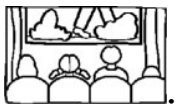 .
rạp hát

Chúng em đi đến .
sở thú

Em đi đến .
tiệm hoa

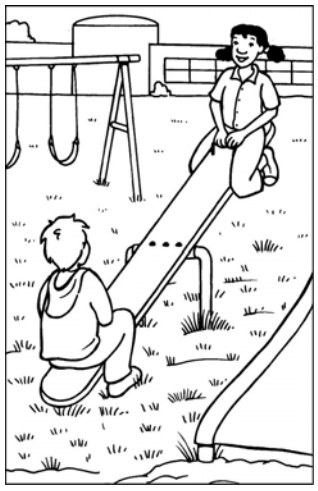

Chúng em đi đến 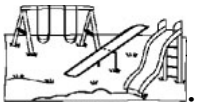 .
sân chơi

Em đi đến .
rạp xiếc

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Phụ Lục

Bài Tập

Bài 1: Dấu

Thứ Hai: Đánh Vần
Đọc các từ sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *cà, ca, cá.*

Thứ Ba: Đánh Vần
Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *lọ, bò, cỏ.*

Bài 2: I

Thứ Tư: Bỏ Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *bí, chỉ, chị.*

Bài 3: O

Thứ Tư: Bỏ Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *bò, chó, thỏ.*

Bài 4: Ô

Thứ Tư: Bỏ Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *hổ, bố́, vỗ.*

Bài 5: Ơ

Thứ Tư: Bỏ Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *vở, vớ, vỡ.*

Bài 6: E

Thứ Tư: Bỏ Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *bé, vẽ, mẹ.*

Bài 7: Ê

Thứ Tư: Bỏ Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *kệ, ghế, hề.*

Bài 8: A

Thứ Tư: Bỏ Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *cá, lá, bà.*

Bài 9: Ă

Thứ Tư: Bỏ Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *rắn, ẵm, tắm.*

Bài 10: Â

Thứ Tư: Bỏ Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *ấn, ấm, nấm.*

Bài 11: U

Thứ Tư: Bỏ Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *tủ, cú, đu đủ.*

Bài 12: Ư

Thứ Tư: Bỏ Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *sư tử, chữ, trừ.*

Bài 13: Y

Thứ Tư: Bỏ Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *Mỹ, ký, y tá.*

Bài 14: T

Thứ Tư: Bỏ Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *tổ, tàu, tóc.*

Bài 15: D, Đ

Thứ Tư: Bỏ Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em bỏ dấu vào sách Bài Tập:

- *dế, dù, dép.*
- *đá, đạp, đĩa.*